

CHÙA DƯỢC SƯ

PL. 2560 - 2016

Kinh

THỦ LĂNG NGHIÊM

Phần 1 - Samatha

(Trọn bộ 3 phần)

Người dịch: Tỳ-kheo-ni Hải Triều Âm.

Kinh

THỦ LĂNG NGHIÊM

I. TỰA

Như vậy tôi nghe, một thời Phật ở tinh xá Kỳ Hoàn thành Thất La Phiệt cùng với chúng đại Tỳ-kheo 1250 A-la-hán, Phật tử trụ trì khéo vượt ba cõi, ở các quốc độ đầy đủ oai nghi, theo Phật chuyển pháp luân, kham lãnh lời Phật di chúc, nghiêm giữ giới luật thanh tịnh đáng bậc khuôn mẫu, hiện thân vô số cứu vớt chúng sanh tận đời vị lai thoát khỏi trần lụy. Đại trí Xá Lợi Phất, Ma-ha Mục Kiền Liên, Ma-ha Câu Si La, Phú Lô Na

Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà làm thượng thủ.

Lại có vô số Bích Chi, vô học và sơ tâm đồng đến đạo tràng.

Nhằm ngày Tỳ-kheo mãn hạ tứ tứ, các Bồ-tát từ mười phương đến xin Phật giải quyết nghi hoặc, kính vâng đức Từ Nghiêm, thỉnh cầu nghĩa thâm mật.

Như Lai tại pháp tòa, khoan thai tỏ bày nghĩa ẩn sâu. Giọng nói hòa nhã như Ca Lăng Tần Già vang khắp mười phương. Hằng sa Bồ-tát đều đến đạo tràng. Văn Thù Sư Lợi làm thượng thủ.

Nhân ngày giỗ phụ vương, vua Ba Tư Nặc đích thân thỉnh Phật và Bồ-tát vào cung cúng dường. Trong thành, trưởng giả cư sĩ đồng thời thiết trai. Phật sai Văn Thù chia các Bồ-tát và A-la-hán đến chứng.

Duy có Anan đi xa mới về, không kịp cùng Tăng chúng phó thỉnh. Một mình không có Thượng tòa hay A-xà-lê. Ngày ấy trong chùa không ai cúng dường. Ông cầm bình bát vào thành thứ lớp khát thực. Trong tâm mong cầu gặp người chưa từng biết cúng dường làm trai chủ. Lòng từ bình đẳng không kể sang hèn, phát tâm viên thành vô lượng công đức cho tất cả chúng sanh. Anan đã biết Thế Tôn quả Tu Bồ Đề và Đại Ca Diếp là A-la-hán tâm chẳng quân bình. Kính vâng lời Phật dạy mở lòng từ vô ngại, độ người đời thoát khỏi tội chê bai nghi báng, ông thông thả vào cửa thành, oai nghi nghiêm chỉnh, kính cẩn tùy thuận trai pháp.

Qua nhà dâm nữ Ma Đăng Già, ông bị huyễn thuật tà chú Phạm Thiên đạo Sa Tỳ Ca La bắt vào phòng riêng, gân phá giới thể.

Như Lai biết Anan mắc nạn, ngọc trai vừa xong liền trở về tinh xá. Vua cùng đại thần trưởng giả cư sĩ đều đi theo Phật, mong nghe pháp yếu.

Khi ấy trên đỉnh đầu đức Thế Tôn phóng hào quang bách bảo vô úy ^(*)*Chú thích*: Quang minh từ đỉnh đầu phát ra tiêu biểu trí tuệ. **Bách bảo**: trăm báu. **Vô úy**: không sợ. Tà ma như giá gặp nóng phải tan, như tối gặp ánh mặt trời phải sáng, không thể còn năng lực chống đối). **Trong hào quang** hiện ra hoa sen báu ngàn cánh. Có hóa thân Phật kiết già ngồi trên tuyên đọc thần chú. Giao cho Văn Thù đem thần chú đi tiêu diệt tà thuật nâng giấc Anan và Ma Đăng Già đưa về pháp hội.

Anan thấy Phật, đánh lễ khóc lóc, hận từ vô thủy một bề học rộng chưa toàn đạo lực, tha thiết xin Phật dạy ba phép Samatha, Tam-ma, Thiên-na⁽¹⁾ là những phương tiện tu hành đầu tiên của mười phương Như Lai. Lúc ấy lại có hàng sa

Bồ-tát, đại A-la-hán, Bích Chi Phật từ mười phương đến nghe pháp, lui về chỗ ngồi, yên lặng lãnh thọ Thánh chỉ.



II. CHÁNH TÔNG

A - KIẾN ĐẠO – SAMATHA

MỤC 1: GẶN HỎI TÌM TÂM

a) Nguyên do thường trụ và luân chuyển:

Phật bảo Anan: “Tôi với ông đồng khí huyết, tình anh em. Khi mới phát tâm ông thấy cái gì hay trong Phật Pháp mà xả ngay được ân ái sâu nặng thế gian?”.

– Con thấy Như Lai 32 tướng tốt đẹp lạ thường, hình thể sáng ánh như ngọc lưu ly, thường tự suy nghĩ: Tướng ấy không thể do dục ái sanh ra. Vì dục khí như nhớp, tanh hôi kết cấu, máu mủ xen lộn, làm sao sanh được thân vàng sáng chói

thắng tịnh nhiệm mâu. Nên con khát ngưỡng cắt tóc theo Phật.

- Hay thay Anan! Hết thảy chúng sanh từ vô thủy, sống chết nối tiếp, đều do không biết thường trụ chân tâm thể tánh tịnh minh, chỉ dùng vọng tưởng. Vọng tưởng không thật vì thế luân chuyển. Nay ông cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề phát minh chân tánh, ông phải ngay thẳng đáp lời tôi hỏi. Mười phương Như Lai một đường thoát ly sanh tử là tâm ngay thẳng. Từ đầu đến cuối, chặng giữa, lời nói tâm nghĩ không bao giờ có tướng quanh co.

Anan! Đương khi duyên theo 32 tướng, ông lấy gì để thấy? Cái gì ưa muốn?

- Thưa Thế Tôn! Ưa muốn phát sanh do Tâm và Mắt. Mắt thấy tướng tốt, tâm sanh ưa muốn, khiến con phát nguyện xả ly sanh tử.

- Như lời ông nói, ưa muốn thật do Tâm và Mắt. Không biết Tâm và Mắt ở đâu làm sao hàng phục? Ví như quốc vương phát binh đánh giặc, cốt yếu phải biết giặc ở chỗ nào. Khiến ông lưu chuyển do Tâm và Mắt. Vậy Tâm và Mắt ông hiện ở đâu?

b) Bảy lần tìm tâm:

1. Tâm ở trong thân:

Anan bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Tất cả mười loài chúng sanh đều cho tâm hay biết là ở trong thân. Con mắt như hoa sen xanh của Như Lai ở trên mặt Phật. Mắt thịt của con cũng ở mặt con. Như vậy quyết định tâm hay biết thật ở trong thân.

- Hiện nay ông ngồi trong giảng đường, ông thấy rừng Kỳ Đà ở đâu?

- Thưa Thế Tôn! Giảng đường cao lớn thanh tịnh này ở trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà hiện thật ở ngoài giảng đường.

- Anan, ông ở trong giảng đường thấy cái gì trước?

- Thưa Thế Tôn, con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, đại chúng, rồi sau trông ra ngoài mới thấy vườn rừng.

- Anan, do đâu ông thấy được vườn rừng?

- Thưa Thế Tôn, do các cửa giảng đường mở rộng nên con ở trong thấy suốt được ngoài xa.

Khi ấy đức Thế Tôn đưa cánh tay kim sắc xoa đầu Anan, bảo đại chúng rằng: “Có chánh định tên là Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Vương, gồm đủ muôn hạnh. Mười phương Như Lai đều do một môn này siêu vượt lên đường diệu trang

nghiêm. Ông hãy lắng nghe”. Anan đành lễ kính vâng lời Phật.

- Như ông vừa nói, thân tại giảng đường, do cửa mở rộng nên thấy được vườn rừng. Phỏng có chúng sanh nào, ở trong giảng đường, không thấy Như Lai mà lại thấy ngoài giảng đường chăng?

- Thưa Thế Tôn, ở trong giảng đường không thấy Như Lai mà thấy được rừng suối ở ngoài, thật không có lý.

- Anan, chính ông thế đấy. Tâm ông rõ biết hết thấy, nếu hiện nay thật ở trong thân thì trước hết phải rõ biết trong thân. Vậy có chúng sanh nào, trước thấy trong thân rồi sau mới thấy những vật ở ngoài không? Dầu không thấy tim gan lòng dạ nhưng móng tay mọc, tóc dài, gân chuyển, mạch nháy, lẽ phải rõ biết. Đã không biết bên trong, sao biết bên

ngoài? Vậy nói tâm hay biết hiện ở trong thân, thật không có lý.

2. Tâm ở ngoài thân:

Anan cúi đầu bạch Phật: Con nghe Phật dạy mới rõ tâm con thật ở ngoài thân. Ví như đèn thắp trong phòng, trước hết phải chiếu trong phòng, rồi sau mới do cửa mở soi sáng ngoài sân. Hết thấy chúng sanh không thấy trong thân chỉ thấy bên ngoài. Cũng như ngọn đèn để ở ngoài phòng, không thể chiếu sáng trong phòng. Nghĩa ấy rõ ràng có lẽ không lầm, chưa biết có đúng với nghĩa lý rốt ráo của Phật không?

- Vừa rồi các Tỳ-kheo theo tôi khất thực trong thành Thất La Phiệt, nay đã về rừng Kỳ Đà. Tôi đã thọ trai rồi. Theo ông, trong hàng Tỳ-kheo, một người ăn các người khác có no không?

- Thưa Thế Tôn, không. Các Tỳ-kheo tuy là A-la-hán nhưng thân thể khác nhau, lẽ nào một người ăn cả chúng đều no.

- Nếu tâm hay biết thật ở ngoài thân, thân tâm riêng cách. Cái gì tâm biết, thân không thể hay. Cái gì thân hay, tâm không thể biết. Nay tôi giơ tay đầu-la-miên. Trong khi mắt ông thấy, tâm ông có biết là tay tôi không?

- Thưa, biết.

- Nếu tâm với thân cùng biết thì sao tâm lại ở ngoài thân? Vậy ông nói tâm hay biết hiện ở ngoài thân, thật không có lý.

3. Tâm núp sau con mắt:

Anan bạch Phật: Vì không thấy bên trong nên tâm không ở trong thân. Vì thân tâm cùng biết, không thể rời nhau, nên tâm không ở ngoài thân. Nay con suy nghĩ biết tâm ở một chỗ.

- **Chỗ ấy ở đâu?**

- **Tâm đã không biết bên trong lại thấy bên ngoài. Theo ý con nó núp sau hai mắt. Ví như người lấy chén lưu ly úp vào mắt. Tuy có vật úp nhưng không chướng ngại, mắt vừa thấy tâm liền phân biệt. Tâm con không thấy bên trong vì nó ở mắt. Lại thấy bên ngoài rõ ràng vì tâm núp sau mắt.**

- **Vậy đương khi chén lưu ly úp vào hai mắt, trông thấy núi sông, có thấy chén lưu ly không?**

- **Thưa Thế Tôn, khi đó thật có thấy chén lưu ly.**

- **Nếu tâm ông núp sau mắt như mắt núp sau chén lưu ly thì trong khi trông thấy núi sông, sao không trông thấy mắt? Nếu trông thấy mắt thì mắt thành ngoại cảnh, không thể mắt vừa thấy tâm liền biết. Nếu không thấy mắt thì nói tâm**

hay biết núp sau mắt như mắt núp sau chén lưu ly, thật không có lý.

4. Nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân:

Anan bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Thân thể chúng sanh phủ tạng ở trong, khiếu huyết ở ngoài, có tạng thì tối, có khiếu thì sáng. Mở mắt thấy sáng là thấy bên ngoài. Nhắm mắt thấy tối là thấy bên trong. Nghĩa ấy thế nào?

- **Đương khi nhắm mắt thấy tối. Cảnh tối có đối với mắt hay không? Nếu đối với mắt thì cái tối ở trước mắt chớ sao lại ở trong thân? Nếu thành ở trong thân thì khi trời tối không trăng không đèn, những gì trong phòng tối đều là tam tiêu lục phủ của ông sao?**

Còn như cái tối nếu không đối với mắt làm sao thành thấy? Dầu cho rằng con mắt đối vào trong nên thấy tối, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân, mở

mắt thấy sáng sao không thấy mặt? Nếu không thấy mặt, cái nghĩa con mắt đối vào trong không thành. Còn như thấy mặt thì tâm và mắt phải ở hư không, sao ở trong thân được? Nếu tâm và mắt đều ở hư không tất nhiên không phải của ông. Vả lại như thế mắt biết, thân phải không biết. Nếu thân và mắt đều có biết thì ông có hai tánh biết. Một ông Anan sẽ thành hai đức Phật. Vậy ông nói thấy tối là thấy trong thân, thật không có lý.

5. Tâm thọ duyên phát sanh:

Anan thưa: Con thường nghe Phật dạy bốn chúng: “Do tâm sanh nên các pháp sanh. Do pháp sanh nên các tâm sanh”. Nay con suy nghĩ tức cái thể suy nghĩ là tâm tánh của con. Hễ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó, chớ không phải ở trong, ở ngoài hay ở chặng giữa.

- Nay ông nói: “Do pháp sanh nên các tâm sanh, hễ hợp với chỗ nào tâm liền có ở chỗ đó”. Tâm ấy nếu không có tự thể thì không hợp được. Không tự thể mà vẫn hợp thì giới thứ 19 cùng trần thứ 7 hợp lại được sao? Còn nếu có tự thể thì khi ông lấy tay gãi thân ông, cái tâm biết gãi ở trong thân ra hay từ ngoài vào? Ở trong thân ra phải thấy bên trong. Từ ngoài vào phải thấy mặt trước.

- Thấy là mắt. Tâm chỉ biết chớ không thấy. Nói tâm thấy là không đúng.

- Nếu mắt thấy thì những người chết vẫn còn mắt, lẽ ra phải thấy.

Anan, tâm hay biết của ông phải có tự thể. Vậy có một thể hay nhiều thể? Nếu tâm có một thể thì khi ông gãi đầu, toàn thân phải đều biết. Như thế thì lại không biết gãi ở chỗ nào. Nếu biết chỗ gãi thì cái thuyết một thể không thành. Nếu có

nhiều thể, thành ra nhiều người, biết thể nào là Anan? Vậy hề hợp với chỗ nào, tâm liền sanh ở chỗ đó, thật không có lý.

6. Tâm ở chặng giữa:

Anan bạch: Thưa Thế Tôn, khi Phật nói thật tướng với các Pháp-vương-tử như Văn Thù, có dạy: “Tâm không ở trong, không ở ngoài”. Theo ý con nghĩ: Vì tâm không biết bên trong nên không thể nói tâm ở trong thân. Vì thân và tâm cùng biết nên nói tâm ở ngoài không đúng. Vậy thì tâm phải ở chặng giữa.

- Ông nói ở chặng giữa. Cái giữa này phải rõ ràng và có nơi chốn. Nếu ở giữa thân thì cũng như ở trong thân. Giữa cảnh thì nêu ra được hay không nêu ra được? Không nêu ra được tức là không có. Nếu nêu ra được thì giữa không có chỗ nhất định. Ví như có người lấy một cây nêu, nêu một chỗ làm giữa. Phương

Đông thấy nêu ở Tây, phương Nam thấy nêu ở Bắc. Cái giữa đã không nhất định thì không rõ tâm ở đâu.

Anan bạch Phật: Cái giữa con nói là như đức Thế Tôn thường dạy: “Nhãn căn duyên sắc trần phát sanh nhãn thức”. Nhãn căn có phân biệt, sắc trần không hay biết, nhãn thức sanh ra ở giữa là tâm.

- Nếu tâm ông ở giữa căn và trần thì tâm thể có gồm cả hai hay không? Nếu gồm cả hai, vật chất và tinh thần xen lộn, lấy gì làm tâm ở giữa. Nếu không gồm cả hai, không phải vật chất cũng không phải tinh thần, tức là không có thể tính. Vậy ông nói tâm ở chặng giữa, thật không có lý.

7. Tâm không vướng mắc vào đâu:

Anan bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Trước đây Phật chuyển pháp luân với bốn đại đệ tử: Đại Mục Liên, Tu Bồ Đề,

Phú Lôu Na, Xá Lợi Phát, thường dạy:
“Tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Hễ cứ không vướng mắc vào đâu thì gọi là tâm”. Vậy con lấy cái không vướng mắc làm tâm được chăng?

- Các vật tượng như hư không và các loài thủy lục không hành, tất cả sự vật mà ông không vướng mắc, là có hay không có? Nếu không, thì đồng như lông rùa sừng thỏ, còn lấy gì để vướng mắc? Nếu có, dù không vướng mắc, cũng không thể gọi là không. Không có tướng tức là không, không phải không tức có tướng. Có tướng thì có chỗ ở. Cố chấp vào cái không vướng mắc tức là vướng mắc. Vậy ông nói không vướng mắc vào đâu gọi là tâm hay biết, thật không có lý.

c) Chỉ rõ vọng tâm:

THỈNH PHÁP

Anan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính bạch Phật: “Con là em rất nhỏ của Như Lai, nhờ Phật thương yêu, thân tuy xuất gia tâm còn ỷ lại. Học rộng nghe nhiều mà chưa chứng quả vô lậu, không uốn dẹp được tà chú, còn bị bắt vào nhà dâm nữ, nguyên do vì không biết đâu là chân thật. Cầu xin Thế Tôn đại từ thương xót, khai thị đường tu Samatha, khiến những người không tin trừ bỏ ác kiến”.

Nói rồi, năm vóc gieo xuống đất cùng với đại chúng hết lòng mong được nghe lời Phật dạy.

ĐÍCH CHỈ VỌNG TÂM

Bấy giờ Thế Tôn từ trước mặt (diện môn) phóng hào quang chói sáng như trăm ngàn mặt trời. Khắp các thế giới chư Phật sáu thứ chấn động. Đồng thời thấy rõ cõi nước mười phương nhiều như vi trần. Oai thần Phật khiến các thế giới hợp thành một thế giới. Các vị Bồ-tát an trụ ở nước mình chấp tay xa nghe.

Phật bảo Anan: Chúng sanh từ vô thủy diên đảo nhiều cách, giống nghiệp tự nhiên như chùm ác-xoa. Người tu không thành Vô-thượng Bồ-đề mà chỉ thành Thanh-văn, Duyên-giác, chư Thiên hoặc đến nổi thành ngoại đạo ma vương quyền thuộc, đều do không biết hai thứ căn bản. Tu tập sai lầm cũng như nấu cát muốn thành cơm, trái vi trần kiếp rớt cuộc vô ích:

1. Căn bản sanh tử từ vô thủy tức như ông ngày nay cùng các chúng sanh dùng tâm phan duyên làm tự tánh.

2. Căn bản Bồ-đề từ vô thủy, thể tánh bản lai thanh tịnh. Như hiện nay thức tinh nguyên minh sanh ra các duyên, ông lại bỏ quên. Nên tuy cả ngày sống trong bản minh mà không tự giác, oan uổng vào sáu đạo.

Anan, nay ông muốn biết đường tu Samatha, nguyện ra khỏi sanh tử. Tôi lại hỏi ông. Liền đó đức Như Lai giơ cánh tay kim sắc, co năm ngón lại, bảo Anan: Ông có thấy không?

- Thưa thấy.

- Thấy cái gì?

- Con thấy Như Lai giơ bàn tay, co năm ngón thành nắm tay sáng ngời, chói lòa TÂM và MẮT con.

- Ông dùng cái gì để thấy?

- Con cùng đại chúng đều dùng mắt thấy.

- Mắt ông, tôi đã thấy. Còn ông lấy gì làm tâm để đương với năm tay chói sáng của tôi?

- Như Lai lại hỏi tâm ở đâu. Con suy nghĩ tìm cầu. Chính cái suy nghĩ tìm cầu là tâm con.

- Sai rồi Anan, cái ấy không phải tâm ông.

Anan giật mình đứng dậy, chấp tay bạch Phật: Cái ấy không phải tâm con thì là cái gì?

- Đó là tưởng đến những tướng hư vọng của tiền trần. Chính nó làm ông mê lầm chân tánh của ông. Do từ vô thủy đến nay, ông nhận giặc làm con, bỏ mất tánh bản lai thường trụ nên phải chịu luân hồi.

PHÂN BIỆT CHÂN VỌNG

Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, con là em Phật vì quý Phật nên xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai mà còn ở hằng sa quốc độ, thừa sự chư Phật và các thiện tri thức. Phát đại dũng mãnh, làm những pháp sự khó làm đều dùng tâm ấy. Dầu cho hủy báng Phật pháp, rời bỏ hẳn thiện căn, cũng nhân tâm ấy. Nay Phật phát minh cái ấy không phải tâm. Vậy con đồng như cây như đất, không có tâm sao? Ngoài cái hay biết ấy ra, con không còn gì nữa. Sao đức Như Lai lại bảo cái ấy không phải là tâm? Con thật kính sợ. Cả đại chúng đều nghi hoặc, xin Phật rủ lòng từ bi chỉ dạy kẻ chưa ngộ”.

Bấy giờ Thế Tôn muốn khiến Anan và cả đại chúng vào vô sanh pháp nhẫn, xoa đầu Anan bảo rằng: Như Lai thường nói

“Các pháp phát sanh duy tâm biến hiện. Tất cả nhân quả, thế giới vi trần, đều nhân tâm thành thể”. Anan, hết thấy sự vật hiện có, dù là ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, cái nút, gạn xét cỗi gốc đều có thể tánh. Cho đến hư không cũng có tên có tướng. Hướng chi diệu tịnh minh tâm là thể tánh của vạn vật, lại tự không có thể chất hay sao?

Nếu ông quyết chấp giác quan suy xét phân biệt làm tâm thì khi rời các trần sắc thanh hương vị xúc pháp, tâm ấy phải riêng có toàn tánh hay biết. Như hiện nay ông vâng nghe pháp âm của tôi. Đó là nhân tiếng mà có phân biệt. Dầu cho diệt hết thấy nghe hay biết, bên trong chỉ nắm giữ một u nhân, cũng vẫn là phân biệt bóng ảnh pháp trần. Ta không cấm ông nhận suy nghĩ làm tâm. Ta chỉ khuyên ông tinh vi suy xét. Nếu rời tiền trần còn tánh phân biệt (minh) mới thật là

tâm ông. Nếu rời tiền trần tánh phân biệt không còn tự thể, thì đó chỉ là phân biệt bóng ảnh tiền trần. Trần lao là thứ vô thường. Một khi biến diệt đi rồi, tâm ông đã diệt theo. Vậy còn gì để tu chứng vô sanh pháp nhẫn?

MỤC 2: KHAI TRI KIÊN PHẬT

Anan và đại chúng lặng im ngơ ngác. Phật bảo Anan: Tất cả những người tu học, dù đã đạt chín bậc định mà vẫn không diệt hết mê lầm để đến nỗi chỉ thành A-la-hán, đều do nhận vọng tưởng sanh diệt làm tâm chân thật. Nên nay ông tuy học rộng nghe nhiều mà vẫn chưa thành Thánh quả.

Anan đau xót khóc lóc, năm vóc gieo xuống đất, quì thẳng chấp tay bạch rằng: “Con theo Phật xuất gia, y cấy Phật oai thân, cho rằng không cần phải tu. Như Lai sẽ ban pháp tam muội. Không biết

thân tâm không thay thế cho nhau được. Bỏ mất bản tâm, thân tuy xuất gia tâm không vào đạo. Như người con cùng khổ bỏ cha trốn lánh. Ngày nay mới biết, tuy nghe rất nhiều Phật pháp, nếu không tu hành, khác gì không nghe? Nói ăn mà không ăn, biết bao giờ no? Thưa Thế Tôn, chúng con hiện nay bị hai chướng ràng buộc⁽²⁾ chỉ vì không biết tịch thường tâm tánh. Xin đức Như Lai thương xót kẻ đường cùng, khai diệu minh tâm, mở con mắt đạo cho chúng sanh”.

Như Lai từ chữ Vạn [卐]⁽³⁾ trước ngực, phóng hào quang báu rực rỡ trăm ngàn sắc, đồng thời chiếu khắp vi trần thế giới chư Phật, rọi trên đỉnh đầu các đức Như Lai mười phương Tịnh-độ. Rồi trở về rọi đến Anan và đại chúng.

Phật bảo Anan: Nay tôi vì ông dựng pháp tràng lớn, khiến mười phương

chúng sanh được diệu vi mật tánh tịnh minh tâm, khai mở con mắt thanh tịnh⁽⁴⁾.

a) Mười lần chỉ kiến tịnh:

1. Kiến tịnh là tâm linh giác:

Anan, ông nói thấy nắm tay chói sáng. Chói sáng do đâu mà có? Làm sao thành nắm tay? Ông lấy gì để thấy?

- Toàn thân Phật như vàng Diêm-phù-đàn, sáng ngời như núi báu. Do đức tánh thanh tịnh sanh ra nên có ánh sáng chói lòa. Thật con dùng mắt để thấy. Năm ngón tay Phật co lại, giơ cho mọi người xem, nên có tướng nắm tay.

- Như Lai xác thật bảo ông. Những người có trí cần do ví dụ mà được khai ngộ. Anan, ví như nắm tay, nếu không có bàn tay thì không thành nắm tay. Lại nếu không có con mắt thì không thành cái

thấy. Lấy cái thấy của ông so sánh với nắm tay tôi, ý nghĩa có cân nhau không?

- Không có con mắt không thành cái thấy. Dem cái thấy so với nắm tay, sự nghĩa giống nhau không khác.

- Ông nói giống nhau nghĩa ấy không đúng. Không có bàn tay thì tuyệt nhiên không có nắm tay. Không có con mắt, không phải hoàn toàn không thấy. Ông thử hỏi những người mù thấy gì. Họ sẽ trả lời: “Hiện nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, không thấy gì khác”. Lấy nghĩa ấy mà xét thì tiền trần tự tối, cái thấy nào có hao kém.

- Người mù chỉ thấy tối đen sao gọi là thấy?

- Anan! Người mù chỉ thấy tối đen so với người mắt sáng ở trong nhà tối, hai cái tối có khác nhau không?

- Thưa Thế Tôn, người ở trong nhà tối với người mù kia, so sánh hai cái tối không hề khác nhau.

- Anan, người mù thấy tối. Bỗng nhiên chữa khỏi mắt, thấy các hình sắc, gọi là mắt thấy. Người trong nhà tối toàn thấy tối đen. Bỗng được đèn sáng, thấy các hình sắc, lẽ ra phải gọi là đèn thấy. Nếu đèn đã thấy được, dĩ nhiên không phải là đèn. Như vậy nên biết: đèn hay hiển sắc, thấy là mắt chớ không phải đèn. Mắt hay hiển sắc, thấy là tâm chớ không phải mắt.

Anan cùng với đại chúng nghe lời Phật dạy, miệng tuy im lặng nhưng tâm chưa khai ngộ, chấp tay sạch lòng mong đức Như Lai từ bi chỉ bày.

2. Kiến tịnh bất động:

Bấy giờ Thế Tôn duỗi tay đầu-la-miên sáng ngời, mở năm ngón tay, bảo Anan và

đại chúng: “Lúc tôi mới thành đạo ở vườn nai, dạy nhóm ông A Nhã Đa, năm vị Tỳ-kheo: “Tất cả chúng sanh không thành đạo Bồ-đề và A-la-hán, đều do phiền não khách trần mê hoặc”. Thuở đó, các ông do đâu khai ngộ để thành Thánh quả?”

Kiều Trần Na đứng dậy bạch Phật: Con nay già cả, ở trong đại chúng, riêng được tên là “Hiểu”. Do con ngộ được hai chữ KHÁCH TRẦN mà thành Thánh quả. Bạch Thế Tôn, khách vào quán trọ, ăn ngủ xong rồi thu xếp lên đường. Nếu thật chủ nhân, không có đến đi. Con nghĩ: “Đến rồi đi gọi là khách. Ở yên không đi đâu gọi là chủ”. Ánh nắng mặt trời rọi qua khe cửa, bụi trần dao động lẳng xăng còn hư không vẫn tịch lặng. Con nghĩ: “Đứng lặng gọi là hư không, dao động gọi là trần”. Con lấy dao động làm nghĩa chữ trần⁽⁵⁾.

Phật dạy: Đúng thế!

Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay. Co rồi lại mở, mở rồi lại co. Hỏi Anan: Ông thấy gì?

- Con thấy bàn tay trăm bấu của Như Lai, ở trong chúng lúc mở lúc nắm.

- Anan! ông thấy tay tôi khi mở khi nắm, đó là tay tôi mở nắm hay cái thấy của ông có mở có nắm?

- Bàn tay bấu của Thế Tôn khi mở khi nắm. Con thấy bàn tay tự mở tự nắm. Tánh thấy của con không có mở nắm.

- Cái nào động, cái nào tĩnh?

- Bàn tay Phật động, tánh thấy của con còn không tĩnh hướng chi là động.

- Đúng thế!

Như Lai từ trong bàn tay, phát một đạo hào quang bấu qua bên phải Anan. Anan liền quay đầu qua bên phải. Phật

lại phát một đạo hào quang qua bên trái. Anan lại quay đầu trông qua bên trái. Phật bảo: “Hôm nay vì sao đầu ông dao động?”.

- Như Lai phóng quang qua bên trái bên phải của con, vì quay về bên trái bên phải nên đầu con dao động.

- Anan, vậy đầu ông động hay cái thấy động?

- Thưa Thế Tôn, đầu con tự động tánh thấy còn không tĩnh hướng chi động⁽⁶⁾.

- Đúng thế! Chúng sanh lấy nghĩa dao động gọi là *trần*, bất trụ gọi là *khách*. Nay các ông xem đầu Anan tự dao động, tánh thấy không dao động. Tay ta có nắm có mở, tánh thấy không hề coi duỗi. Tại sao các ông cứ lấy động làm thân, lấy động làm cảnh. Từ khi sanh cho tới khi chết cứ nhận vọng tưởng niệm niệm sanh diệt làm tâm. Quên mất tánh chân thật,

điên đảo hành sự, nhận vật làm mình, tự chuốc lấy luân hồi lưu chuyển.

3. Kiến tinh bất diệt:

Anan cùng đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay bỏ mất bản tâm, lầm nhận phân biệt bóng dáng tiên trần làm tâm. Ngày nay được khai ngộ như trẻ mất sữa bỗng gặp mẹ hiền, chấp tay lễ Phật. Ông xin đức Như Lai, ở ngay thân tâm ông, chỉ rõ chỗ chân chỗ vọng, chỗ hư chỗ thật, hiện tiền phát minh hai tánh sanh diệt và không sanh diệt.

Vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật: “Trước con chưa được vâng nghe lời Phật. Con thấy bọn Ca Chiên Diên, Tỳ La Chi đều nói thân này chết rồi mất hẳn là Niết-bàn. Nay tuy được gặp Phật nhưng con vẫn còn hồ nghi. Xin Phật chỉ rõ tánh

không sanh diệt ở ngay thân tâm này. Hàng hữu học trông mong được nghe”.

- Đại vương, nhục thân hiện nay như kim cương thường còn hay cũng biến đổi và tan rã?

- Bạch Thế Tôn, thân con đang thay đổi và rốt cuộc sẽ tiêu diệt.

- Đại vương chưa hề diệt, làm sao biết thân này sẽ diệt?

- Bạch Thế Tôn, như lửa đốt gỗ thành tro dần dần gỗ phải tiêu hết. Vì biến hoại vô thường nên thân quyết định chắc chắn sẽ diệt.

- Đúng thế! Đại vương nay đã già yếu, nhan mạo so với lúc trẻ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, lúc còn bé nhỏ da thịt mơn mơi. Đến khi trưởng thành huyết khí sung túc. Nay về già ngày càng suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần lẫn lộn, tóc bạc da nhăn. Tuổi thọ chẳng còn bao lâu

nữa. Làm sao so sánh được với lúc đương còn trẻ mạnh.

- Đại vương, thân thể nào phải đương trẻ mà già liền đâu?

- Thân con vô thường biến hoại, niệm niệm không dừng, âm thầm thay đổi lúc nào không biết. Năm 20 tuổi tuy nói là trẻ mà thật đã già hơn năm lên 10. Năm 30 lại già hơn khi 20. Bây giờ 62 tuổi so với ngày 50 thật kém cường tráng. Xét kỹ hàng tháng, hàng năm, hàng ngày, niệm niệm đổi dời. Nên biết thân này chắc chắn hoại diệt.

- Đại vương thấy biến hóa dời đổi không ngừng, ngộ biết thân này phải diệt. Vậy Đại vương có biết trong thân cái gì không diệt chẳng?

- Thật con không biết.

- Nay tôi chỉ cho Đại vương tánh không sanh diệt. Đại vương năm lên mấy thấy sông Hằng?

- Khi con 3 tuổi, mẹ con dắt đi lễ thần Kỳ Bà Thiên, lúc đó con được thấy sông Hằng.

- Như lời Đại vương nói, 20 tuổi già hơn năm lên 10. Đến nay 62 tuổi, năm tháng ngày giờ dời đổi. Vậy khi 3 tuổi thấy sông Hằng so với năm 13 tuổi có khác nhau không?

- Thưa cũng giống khi 3 tuổi như nhau không khác. Nay con 62 tuổi thấy sông Hằng vẫn không khác.

- Đại vương tự tử tóc bạc da nhăn. Cái thấy hiện nay so với cái thấy lúc nhỏ có già trẻ không?

- Bạch Thế Tôn không.

- Đại vương, mặt già nhăn mà cái thấy không hề già nhăn. Có già nhăn là có

biến hoại. Không già nhân là không biến hoại. Có biến hoại ắt phải diệt⁽⁷⁾. Không biến hoại không sanh diệt. Làm sao cái không sanh diệt lại chịu luật lệ sanh diệt mà đại vương dẫn những thuyết của bọn Mạt-già-lê, bảo rằng thân này chết rồi diệt hẳn.

Vua nghe lời Phật dạy, tin biết bỏ thân này sẽ có thân khác, cùng với đại chúng phấn khởi vui mừng được điều chưa từng có.

4. Kiến tinh viên mãn:

Anan lễ Phật chấp tay quỳ thẳng bạch: “Thưa Thế Tôn, nếu cái thấy nghe thật không sanh diệt, sao Thế Tôn lại trách chúng con bỏ mất chân tánh diên đảo hành sự? Xin Phật mở lòng từ bi rửa sạch trần cấu cho chúng con”.

Như Lai duỗi cánh tay kim sắc, ngón tay chỉ xuống, hỏi Anan: Ông thấy tay mẫu-đà-la của tôi là chánh hay ngược⁽⁸⁾?

- Thế gian cho đó là ngược (vì đầu ngón tay chúc xuống đất) còn con thì không biết thế nào là chánh là ngược.

- Anan! Nếu thế gian cho đó là ngược thì thế nào là chánh?

- Như Lai đưa cánh tay đầu-la-miên chỉ lên trên không thì gọi là chánh⁽⁹⁾. Phật liền đưa cánh tay lên và bảo Anan: “Xuôi ngược chỉ là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau⁽¹⁰⁾. Tất cả thế gian đều thấy như thế. Vậy ông hãy xét vì sao thân Như Lai gọi là chánh biến tri mà thân các ông lại gọi là diên đảo tánh?”

Anan và đại chúng ngẩn ngơ không biết thân tâm mình diên đảo chỗ nào. Phật từ bi thương xót phát tiếng hải triều khắp bảo trong hội: Các thiện nam tử, ta

thường nói rằng: “Sắc, tâm, các duyên và các tâm sở, các pháp sở duyên, đều duy tâm biến hiện”. Thân ông tâm ông đều là những vật hiện trong diệu minh chân tinh diệu tâm. Làm sao các ông lại bỏ tâm tánh quý báu, nhận cái mê trong ngộ. Mê muội thành hư không. Trong hư không tầm tối kết ám thành sắc. Sắc tạp vọng tưởng. Tướng của vọng tưởng là thân. Tụ duyên dao động bên trong, rong ruổi theo cảnh bên ngoài. Một khi đã nhận cái mịt mờ rối loạn ấy làm tâm tánh thì quyết phải lầm tâm ở trong thân. Đâu có biết rằng cả thân lẫn núi sông thế giới đều là vật hiện trong diệu minh chân tâm. Thí như bỏ trăm ngàn biển lớn trong lạng, chỉ nhận một mảnh bọt nổi. Trở lại cho bọt là tất cả biển lớn. Bọn ông là những người mê trong mấy tầng mê như cánh tay ta rũ xuống không khác. Thật đáng thương xót⁽¹¹⁾!

5. Kiến tinh vô sanh:

Anan vâng nghe lời Phật từ bi cứu độ, khóc lóc chấp tay bạch Thế Tôn: “Con tuy đã hiểu diệu minh tâm địa viên mãn thường trụ. Nhưng hiểu đây là do dùng tâm phan duyên chiêm ngưỡng sông mà thôi. Thật chưa dám nhận là bản tâm của mình. Mong Phật thương xót, viên âm gỡ nghi đưa con về đạo vô thượng”.

– Còn dùng duyên tâm nghe pháp thì chỉ được pháp duyên chớ chưa được pháp tánh⁽¹²⁾. Pháp âm như ngón tay tỏ mặt trăng. Người nghe nhận ngón tay mà thấy mặt trăng. Nếu chỉ xem ngón tay, cho đó là mặt trăng, thì chẳng những mất mặt trăng mà cũng mất luôn ngón tay nữa. Vì nhận ngón tay là mặt trăng. Đâu những bỏ mất ngón tay mà còn không phân biệt được sáng tối. Vì lấy ngón tay tối làm mặt trăng sáng⁽¹³⁾. Ông cũng như vậy.

Nếu lấy cái phân biệt pháp âm làm tâm thì khi rời âm thanh phải có toàn tánh phân biệt. Ví như khách trọ chỉ ở tạm rồi đi. Chủ nhân ông không đến cũng không đi. Nếu thật tâm ông thì làm sao rời âm thanh lại không còn toàn tánh phân biệt. Chẳng những tâm phân biệt âm thanh mà tâm phân biệt hình dung, khi rời sắc tướng, cũng phải còn toàn tánh phân biệt. Cho tới tất cả phân biệt đều không, chẳng phải sắc chẳng phải không mà bọn Câu Xá Ly lầm là minh đế, khi rời các pháp trần cũng không còn tánh phân biệt. Như vậy tâm tánh của ông đều có chỗ trả về còn lấy gì làm chủ?

- Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về thì tâm tánh Như Lai nói làm sao không có chỗ trả về? Xin Phật thương xót chỉ dạy.

- Nay Anan, tánh thấy của ông đang thấy tôi đây, tuy không phải là diệu tịnh

minh tâm. Như mặt trăng thứ hai không phải thật là mặt trăng, nhưng cũng không đến nỗi là bóng trăng đáy nước. Ông hãy nghe kỹ. Tôi chỉ cho ông cái nghĩa không thể trả về.

Anan, đại giảng đường này mở rộng về phương Đông. Mặt trời lên thì sáng, đêm không trăng hoặc mây mù mờ mịt thì tối; cửa mở thì thông suốt, chỗ có tường nhà thì ngăn bịt; chỗ phân biệt ắt thấy cảnh sắc duyên, trong rỗng trống là hư không; cảnh mù mịt vì bụi nổi lên, mưa tạnh trời thanh lại thấy trong trẻo. Anan, ông đã thấy rõ các tướng biến hóa. Nay tôi trả các tướng ấy về bản nhân của nó. Nay Anan, sáng trả về cho mặt trời vì không mặt trời thì không sáng. Tối trả về cho đêm không trăng. Thông trả về cho cửa mở. Bít trả về cho tường vách. Các duyên trả về cho phân biệt. Hư không trả về cho rỗng trống. Mù mịt trả về cho bụi

nổi. Trong sáng trả về cho trời tạnh. Thế gian có những gì đều không ra ngoài mấy loại ấy.

Tánh thấy của ông đứng nhìn tám thứ kia, ông định trả về đâu? Nếu đem tánh thấy trả về cho sáng thì lúc không sáng không thể thấy tối. Các thứ sáng tối khác nhau, cái thấy không sai khác. Các thứ có chỗ trả về dĩ nhiên không phải của ông. Tánh thấy không chỗ trả về, không phải của ông vậy của ai? Nên biết tâm ông vốn diệu minh, ông tự mê muội, bỏ mất bản tâm mà chịu luân hồi chìm đắm trong bể sanh tử. Như Lai gọi là đáng thương xót⁽¹⁴⁾.

6. Kiến tịnh chân ngã:

Anan bạch: “Tuy con biết tánh thấy không thể trả về đâu nhưng làm sao biết được tánh thấy thật là chân tánh của con?”

- Nay tôi lại hỏi ông. Hiện ông chưa được vô lậu quả thanh tịnh, nhờ thần lực Phật, thấy được cõi sơ thiên không bị ngăn ngại. Ông A Na Luật Đà thấy cõi Diêm-phù-đề như xem quả am-ma-la trên bàn tay. Các vị Bồ-tát thấy trăm ngàn cõi. Mười phương Như Lai, cùng tột vi trần quốc độ thanh tịnh, không chỗ nào không thấy. Còn chúng sanh thấy rõ được không quá gang tấc.

Anan, nay tôi cùng ông hãy xem cung điện của Tứ Thiên Vương, chặng giữa các loài thủy lục không hành, tuy có nhiều hình tượng sáng tối khác nhau nhưng không gì chẳng phải là tiền trần phân biệt. Ông hãy nhìn kỹ, tôi cùng ông lựa xem đâu là tâm thể của ông, đâu là hình tượng của vật. Anan, cùng tột sức thấy của ông, mặt trời mặt trăng đều là vật chớ không phải ông. Đến Thất Kim Sơn tuy có hào quang nhưng cũng là vật chớ

không phải ông. Lần lần đến mây kéo, chim bay, gió động, bụi nổi, cây cối, núi sông, cỏ rác, người vật, đều là vật chớ không phải ông.

Anan, các vật gần xa tuy sai khác nhau nhưng đồng do cái thấy của ông thanh tịnh trông thấy. Các vật kia tự có sai khác. Tánh thấy của ông không có sai khác. Cái thấy nhiệm màu sáng suốt đó thật là tánh của ông.

Nếu cái thấy là vật, thì ông cũng có thể thấy cái thấy của tôi. Nếu cho rằng đồng thấy sự vật là thấy cái thấy của tôi thì khi tôi không thấy, sao lại không thấy được chỗ không thấy của tôi? Nếu nói rằng thấy cái không thấy thì dĩ nhiên không đúng. Còn nếu không thấy được chỗ không thấy của tôi thì cái thấy bản nhiên không phải là vật, làm sao lại không phải là ông?

Nếu cái thấy là vật, đương khi ông thấy vật, vật cũng thấy ông, thế thì thể tánh xen lộn. Ông cùng tôi và cả thế gian không thành lập được.

Anan, khi ông thấy là chính ông thấy chớ không phải tôi. Cái thấy cùng khắp đó không phải ông thì là ai? Làm sao tự nghi chân tánh của mình? Chân tánh ông, ông không tự nhận, lại cứ theo tôi cầu chứng chân thật.

7. Kiến tịnh tùy duyên bất biến:

Anan: “Bạch Thế Tôn, nếu tánh thấy đó quyết là con thì sao khi con cùng Như Lai xem bảo điện Tứ Thiên Vương, mặt trời mặt trăng, cái thấy ấy cùng khắp cõi Ta Bà. Trở về tịnh xá chỉ thấy cảnh vườn chùa. Thanh tâm trong nhà chỉ thấy thêm vách. Thế là cái thấy rút lớn thành nhỏ hay tường nhà chia cắt làm cho đứt đoạn?”

Con không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật từ bi chỉ rõ”.

- Tất cả các thứ lớn nhỏ trong ngoài của thế gian đều thuộc tiền trần. Không nên nói cái thấy có co duỗi⁽¹⁵⁾. Ví như trong hộp vuông thấy hư không vuông. Hư không này có nhất định vuông không? Nếu nhất định vuông thì khi thay hộp tròn, lẽ ra không thấy hư không tròn. Nếu không nhất định vuông thì sao trong hộp vuông lại thấy hư không vuông? Ông nói không biết nghĩa đó do đâu. Nghĩa đó như vậy.

Anan, muốn hết chuyện vuông tròn chỉ cần trừ bỏ những cái hộp. Không nên nói rằng phải trừ tướng vuông tròn của hư không.

Lại như lời ông hỏi: Nếu khi vào trong phòng cái thấy rút nhỏ lại thì khi ngửa xem mặt trời, há phải kéo cái thấy tới

mặt trời? Nếu tường nhà chia cắt cái thấy làm cho đứt đoạn thì ở một chỗ hồng sao không thấy dấu nối? Nghĩa ấy không đúng.

Tất cả chúng sanh từ vô thủy tới nay lầm mình là vật⁽¹⁶⁾, bỏ mất tâm tánh, bị vật xoay chuyển, cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật tức đồng Như Lai, thân tâm viên minh, không động đạo tràng, một đầu lông, ngâm chứa mười phương quốc độ.

§. Kiến tinh bất nhị:

Anan: “Bạch Thế Tôn, nếu cái thấy hiện ở trước mắt thật là chân tánh của con thì thân tâm con hiện nay là vật gì? Mà nay thân tâm thật có biết, cái thấy không phân biệt. Thế thì làm sao đức Như Lai trước kia lại hỏi vặn: “Vật thấy được con”? Xin Phật rủ lòng đại từ chỉ bày cho con chỗ chưa ngộ”.

- Ông nói cái thấy ở trước mắt, nghĩa ấy không đúng. Nếu thật ở trước mắt ông và ông thật thấy được thì cái thấy đó đã có chỗ ở, ắt chỉ ra được. Vậy tôi cùng ông ngồi trong vườn Kỳ Đà, nhìn khắp rừng suối và các điện đường, trên đến mặt trời mặt trăng, trước đối sông Hằng. Ông hãy giơ tay chỉ bày trong các tướng kia: Chỗ râm là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông suốt là hư không... Như thế cho đến cỏ cây mảy mún lớn nhỏ khác nhau, phàm đã có hình thì phải đích chỉ ra được. Vậy nếu cái thấy hiện ở trước mắt thì ông hãy lấy tay chỉ ra. Anan, nếu hư không đã là cái thấy, vậy cái gì là hư không? Nếu vật là cái thấy, vậy cái gì là vật? Ông hãy chín chắn chia chẻ, trong muôn hiện tượng tách ra cái thấy, chỉ bày cho tôi như các vật kia, rõ ràng không lầm lẫn.

- Nay con ở giảng đường này, trông xa đến sông Hằng, ngửa lên thấy mặt trời mặt trăng, giơ tay chỉ được, dùng mắt thấy được, đều toàn là vật chớ không có cái thấy. Bạch Thế Tôn, như lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh-văn chúng con mà các Bồ-tát cũng không thể ở nơi muôn vật, chỉ ra cái thấy, rời tất cả vật, riêng có tự tánh.

- Đúng thế, đúng thế! Anan, như lời ông nói: Không có cái thấy rời tất cả vật, riêng có tự tánh. Nay tôi lại bảo ông: Ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, lại xem rừng vườn cho đến mặt trời mặt trăng, nhiều thứ hình tượng khác nhau. Ông hãy phát minh cái gì không phải cái thấy.

- Thật con nhìn khắp rừng Kỳ Đà. Nếu cây không phải cái thấy thì sao thấy được cây? Nếu cây tức là cái thấy thì sao còn gọi là cây? Như thế cho đến nếu hư

không không phải cái thấy, làm sao thấy được hư không? Còn nếu hư không tức là cái thấy thì sao gọi là hư không? Con suy nghĩ chín chắn, trong muôn hình tượng, phát minh thật không có cái gì không phải cái thấy.

- Đúng thế, đúng thế!

Đại chúng, những vị chưa chứng vô học mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy đầu đuôi thế nào, mất chỗ yên chí từ xưa nên hoảng hốt.

Như Lai thương xót an ủi: “Các thiện nam tử, bậc Vô-thượng Pháp-vương lời nói chân thật, xứng tánh chân như mà nói, không lừa không dối, không như bốn thứ luận nghị bất tử càn dỡ của bọn Mạt-già-lê. Các ông hãy suy nghĩ cho chín chắn, chớ phụ lòng tôi thương quý”.

Pháp-vương-tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, đánh lễ chân Phật, chấp tay

cung kính: Bạch Thế Tôn, nếu cái thấy là tiền cảnh thì lẽ ra chỉ được. Nếu tiền cảnh không phải cái thấy thì lẽ ra không thể thấy được. Đại chúng không rõ nghĩa ấy nên mới kinh sợ chứ không phải thiện căn ít ỏi. Kính mong đức Như Lai thương xót, chỉ dạy các vật tượng và cái thấy vốn là vật gì mà ở trong đó không thể nói “phải” hay “không phải”.

- Đối với mười phương Như Lai, các đại Bồ-tát trụ trong Tam-ma-địa, thì cái THẤY (căn), cảnh trần cùng các tướng tượng (thức) đều là hoa đốm ở hư không, vốn không hề có. Cái THẤY và cảnh trần chính là Bồ-đề diệu tịnh minh tâm, làm sao còn hỏi phải hay không phải. Như ông phải là Văn Thù hay không phải Văn Thù?

- Bạch Thế Tôn! Đúng thế! Nếu nói phải Văn Thù, thành ra có hai Văn Thù.

Nếu nói không phải Văn Thù thì sai, vì chính con là Văn Thù. Trong đây không có hai tướng “phải” và “không phải”.

Phật bảo: “Cũng như vậy, tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt cùng với các thứ sắc không vốn là tâm tánh Vô-thượng Bồ-đề. Như mặt trăng thứ hai thật là mặt trăng hay không phải mặt trăng? Văn Thù, chỉ có một mặt trăng thật. Ngoài ra không có cái gì phải mặt trăng hay không phải mặt trăng. Vậy nay các ông phát minh đủ thứ “thấy nghe” và “trần cảnh” đều là vọng tưởng. Cho nên không thể ra khỏi những luẩn quẩn “phải” hay “không phải”. Nếu biết tất cả đều là chân tịnh diệu giác, liền hết những rắc rối “chỉ được” hay “không chỉ được”⁽¹⁷⁾.

9. Kiến tịnh siêu tình:

Anan: “Bạch Thế Tôn, nếu quả thật như lời Pháp-vương, tâm tánh tịch thường

không sanh diệt, biến khắp mười phương, thì so với thuyết minh đế của phạm chí Sa Tỳ Ca La và thần ngã của các ngoại đạo khác nhau thế nào? Đức Thế Tôn ở núi Lăng Già vì Đại Tuệ nói rằng: “Ngoại đạo chủ trương tự nhiên. Còn Phật nói nhân duyên, không phải cảnh giới của họ”. Nay con xét tâm tánh không sanh diệt, xa rời tất cả các điên đảo hư vọng, tựa như không phải nhân duyên mà giống như thuyết tự nhiên. Xin Phật khai thị cho chúng con khỏi mắc tà kiến để nhận được Diệu Tịnh Minh Tâm”.

Phật bảo Anan: Nay tôi phương tiện chân thật chỉ bày. Ông còn chưa ngộ, lại lầm là tự nhiên. Anan, nếu quyết là tự nhiên thì phải chỉ rõ thể tánh tự nhiên. Ông hãy xét tánh thấy lấy gì làm tự thể. Lấy sáng làm tự thể? Lấy tối, lấy hư không hay lấy ngăn bịt làm tự thể? Anan, nếu lấy sáng làm tự thể thì lẽ ra không

thấy được tối. Nếu lấy hư không làm tự thể thì lẽ ra không thấy được ngăn bịt. Như vậy cho đến lấy tối làm tự thể thì đến khi sáng, tánh thấy đã diệt mất rồi, làm sao còn thấy được sáng?

- Tánh thấy, nếu không phải là tự nhiên thì nó hẳn do nhân duyên sanh. Xin hỏi đức Như Lai, nghĩa lý thế nào cho hợp với tánh nhân duyên?

- Ông nói nhân duyên. Tôi lại hỏi ông: Cái thấy nhân gì mà có? Nhân sáng, nhân tối, nhân hư không hay nhân ngăn bịt mà có? Anan, nếu tánh thấy nhân sáng mà có thì lẽ ra không thấy được tối, nhân tối mà có thì lẽ ra không thấy được sáng. Nhân hư không, nhân ngăn bịt cũng vậy.

Anan, cái thấy duyên sáng, duyên tối, duyên hư không hay duyên ngăn bịt mà có? Anan, nếu duyên hư không mà có thì

không thể thấy ngăn bịt. Duyên ngăn bịt, duyên sáng, duyên tối cũng thế.

Nên biết tánh thấy không phải nhân, không phải duyên, không phải tự nhiên, không phải không tự nhiên, không có nghĩa phải hay chẳng phải, không có nghĩa tức là hay không tức là. Rồi tất cả tướng, tức tất cả pháp. Đem danh tướng hí luận thế gian mà phân biệt chỉ như lấy tay nhọc sức nắm bắt hư không. Hư không có bao giờ để cho ông nắm bắt.

- Thưa Thế Tôn, nếu tâm tánh không phải nhân duyên, làm sao Thế Tôn thường dạy các hàng Tỳ-kheo: “Cái thấy có bốn duyên là hư không, ánh sáng, con mắt và cái tâm”. Nghĩa ấy thế nào?

- Đó là tướng nhân duyên thế gian, không phải đệ nhất nghĩa. Anan, thế nào người thế gian gọi là THẤY, thế nào họ gọi là KHÔNG THẤY?

- Người đời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn, thấy các hình tướng thì gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng đó thì không thể thấy.

- Anan, gọi là không thấy, lẽ ra cũng không thấy tối. Nếu đã thấy được tối thì chỉ là không sáng chứ đâu phải là không thấy. Sáng và tối tự lẫn át nhau. Tánh thấy của ông không hề tạm thời không có. Thế thì biết cả hai lúc đều gọi là thấy. Làm sao thấy tối lại gọi là không thấy? Anan, thấy sáng, cái thấy không phải là sáng. Thấy tối, cái thấy không phải là tối. Thấy hư không, cái thấy không phải là hư không. Thấy ngăn bịt, cái thấy không phải là ngăn bịt.

Bốn nghĩa đó đã thành lập rồi, ông lại nên biết: Khi kiến tánh nhận thấy kiến tinh thì kiến tánh không phải là kiến tinh. Kiến tinh còn xa kiến tánh. Kiến tinh không thể kịp được kiến tánh. Làm

sao ông còn nói đến những nhân duyên tự nhiên, hòa hợp cùng phi hòa hợp? Thanh-văn các ông hẹp hòi không thông đạt được thật tướng thanh tịnh. Nay tôi chỉ dạy, ông nên khéo suy nghĩ, đừng trề nải trên đường Bồ-đề.

10. Kiến tinh chưa phải kiến tánh:

Anan bạch: “Thế Tôn vì chúng con chỉ dạy lý nhân duyên tự nhiên, các tướng hòa hợp và không hòa hợp, tâm con còn chưa khai ngộ. Nay lại nghe Phật dạy: “Kiến tinh chưa phải kiến tánh”, càng thêm mờ mịt. Cúi xin Thế Tôn thương xót khai mở con mắt đại trí tuệ, chỉ bày cho chúng con tâm tánh trong sạch sáng suốt”. Anan khóc lóc đánh lễ, vâng nghe Thánh chỉ.

Thế Tôn thương xót Anan và đại chúng, chỉ dạy pháp Đại Tổng Trì⁽¹⁸⁾ là con đường nhiệm mầu vào Tam-ma-đê:

Này Anan, ông tuy nhớ lâu chỉ ích học rộng. Nhưng nơi vi mật quán chiếu Samatha tâm còn chưa rõ. Ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ vì ông phân tích chỉ bày. Đồng thời khiến cho những kẻ hữu lậu tương lai được quả Bồ-đề. Này Anan! Tất cả chúng sanh luân hồi trong thế gian đều do hai vọng kiến điên đảo, ngay nơi tâm phát sanh, theo nghiệp báo xoay vần:

1. Biệt nghiệp vọng kiến

Anan, mắt lóa ban đêm trông vào đèn, thấy bóng tròn 5 sắc. Bóng tròn hiện ra nơi đèn là sắc của đèn hay của cái thấy? Anan, nếu là sắc của đèn, những người mắt lành sao không thấy? Nếu là sắc của thấy thì thấy đã thành sắc, sao người lóa kia còn thấy bóng tròn?

Lại nữa Anan, nếu bóng tròn rời đèn tự có, lẽ ra khi trông bình phong bức màn đều có bóng tròn. Nếu rời cái thấy, bóng

tròn riêng mình tự có, thì làm sao người lóa lại thấy bóng tròn? Vậy nên biết sắc thật ở nơi đèn, mắt bệnh thấy có bóng tròn. Cả bóng tròn và cái thấy đều là bệnh. Thấy được bệnh lóa tự không bệnh. Rốt cuộc không nên nói rằng bóng tròn là do đèn hay do thấy. Huống chi lại còn nói không phải do đèn, không phải do thấy.

2. Đồng nghiệp vọng kiến

Này Anan, cõi Diêm-phù-đề, trừ biển cả, đất bằng có 3.000 châu. Châu lớn chính giữa bao quát từ Đông sang Tây có đến 2.300 nước lớn. Các châu nhỏ khác, ở trong các biển. Mỗi châu có từ 10, 20 cho đến 200, 300 nước. Anan, thí dụ một châu nhỏ chỉ có hai nước. Nhân dân bên này đồng cảm ác duyên hoặc thấy hai mặt trời, hai mặt trăng, nhật thực, nguyệt thực, sao phướn, sao chổi, sao băng v.v...

còn nước bên cạnh không thấy cũng không nghe.

Anan, như biệt nghiệp vọng kiến thấy bóng tròn ở đèn tựa hồ như thật có tiền cảnh. Nhưng đây chỉ do bệnh lóa. Người biết như thế là chánh kiến. Hiện nay ông thấy núi sông, cõi nước, chúng sanh, đều là bệnh từ vô thủy. Căn trần duyên nhau tựa hồ thật có tiền cảnh, chung quy chỉ là bệnh lóa. Năng kiến sở kiến đều là bệnh.

Giác ngộ được năng kiến sở kiến đều là bệnh lóa. Tâm giác ngộ này không lóa. Giác ngộ như thế là nhận được kiến tánh, là không còn ở trong vòng thấy, nghe, hay, biết (các kiến tinh). Vậy nên nay ông thấy tôi cùng mười loại chúng sanh đều là cái thấy lóa, không phải là giác ngộ được bệnh lóa. Kiến tánh vốn không phải là bệnh lóa, không phải là kiến tinh.

Anan, nay lấy đồng phạm vọng kiến của chúng sanh so với biệt nghiệp vọng kiến của một người. Người đau mắt thấy bóng tròn là do bệnh lóa giả dối hiện ra. Đây là biệt nghiệp. Ở nước kia nhân dân đồng phạm thấy các tướng không tốt. Đây là đồng nghiệp. Các chướng ác khởi lên trong đồng kiến nghiệp đều do vọng kiến từ vô thủy. Cho đến 3.000 châu, bốn biển lớn, các nước hữu lậu và mười phương chúng sanh, đều là nơi giác minh vô lậu diệu tâm, thấy nghe hay biết hư vọng bệnh duyên hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử. Nếu xa rời được các duyên hòa hợp và không hòa hợp ắt diệt trừ các nguyên nhân sanh tử, viên mãn tánh Bồ-đề không sanh diệt, bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trụ⁽¹⁹⁾.

b) Phá xích hòa hợp

Anan, ông tuy đã ngộ tâm tánh nhiệm mầu sáng suốt vốn không phải nhân duyên, không phải tự nhiên. Nhưng còn chưa rõ giác tánh không phải hòa hợp sanh cũng không phải không hòa hợp. Nay Anan, cái thấy của ông hòa với sáng, với tối, với thông suốt hay với ngăn bịt? Nếu hòa với sáng thì cái sáng ông đang thấy, chỗ nào xen lộn với cái thấy? Nếu sáng không hòa với thấy thì làm sao thấy được sáng? Còn nếu sáng tức là thấy thì làm sao thấy được cái thấy? Cái thấy cùng khắp, còn chỗ nào hòa được với sáng? Cái sáng cùng khắp, còn chỗ nào hòa được với thấy? Thấy với sáng khác nhau, khi xen lộn, cả hai phải mất bản tánh. Như thế làm sao nói thấy hòa với sáng. Đối với cái tối, thông suốt và ngăn bịt cũng như vậy.

Lại nữa Anan, cái thấy của ông hợp với sáng, với tối, với thông suốt hay với ngăn bịt? Nếu hợp với sáng thì làm sao thấy được tối? Nay thấy cả sáng tối thông bịt nên biết rằng thấy không hợp riêng với thứ nào.

Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, giác tánh đối với trần cảnh và các tâm niệm không hòa hợp chăng?”

- Ông nói giác tánh không hòa hợp. Vậy thấy không hòa với sáng, với tối, với thông hay không hòa với bít? Nếu không hòa với sáng thì giữa thấy và sáng phải có ranh giới. Ông hãy xét kỹ, bên sáng ắt không có thấy, bên thấy ắt không có sáng. Hai cái không đến với nhau, làm sao thấy được sáng? Đối với tối, thông và bít cũng như vậy.

Cái thấy không hợp với sáng, với tối, với thông hay không hợp với bít? Nếu

không hợp với sáng thì thấy với sáng tánh trái ngược nhau. Thấy còn không biết sáng ở đâu, làm sao phát minh những lẽ hợp hay không hợp? Đối với tối, thông, bí cũng như vậy⁽²⁰⁾.

c) Vạn pháp quy về Như Lai Tạng:

Anan, bởi vì ông còn chưa biết hết thấy các tướng huyễn hóa phù trần, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận⁽²¹⁾. Huyền vọng gọi là tướng. Tánh chân thật là diệu giác minh thể. Như vậy cho đến 5 ấm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới, đều là nhân duyên hòa hợp hư vọng có sanh, nhân duyên biệt ly hư vọng gọi là diệt. Đâu có biết rằng sanh diệt đi lại vốn là Như Lai Tạng⁽²²⁾ thường trụ diệu minh bất động chu viên diệu chân như tánh. Trong tánh chân thường cầu các pháp đến đi, mê ngộ, sanh tử, rốt ráo chẳng thể được⁽²³⁾.

1- Năm ấm:

Anan, làm sao 5 ấm vốn là Như Lai Tạng diệu chân như tánh?

SẮC ẤM

Anan, ví như có người mắt sáng nhìn hư không trong trẻo, hẳn không thấy gì khác. Nếu vô cố cứ nhìn trừng trừng, mỏi mệt, liền ở giữa hư không thấy có hoa đốm lăng xăng. Nên biết sắc ấm như vậy.

Anan, hoa đốm không phải từ hư không đến, không phải từ mắt ra. Nếu từ hư không đến thì phải trở về hư không. Đã có vật ra vào sao gọi là hư không? Nếu hoa đốm từ mắt ra thì phải trở về mắt. Hoa đốm đã từ mắt ra hẳn biết thấy, khi trở về phải thấy mắt. Nếu không thấy thì khi đi ra làm mờ hư không, khi trở về phải che con mắt. Lại thấy được hoa đốm

lẽ ra phải là mắt tốt, làm sao chỉ khi thấy hư không trong suốt mới gọi là mắt sáng?

Vậy nên biết rằng sắc ấm giả dối, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh⁽²⁴⁾.

THỌ ẤM

Anan, ví như có người tay chân yên ổn, trăm vóc điều hòa, không gì trái thuận như quên hẳn mình. Người ấy lấy hai bàn tay xoa vào nhau. Nơi hai bàn tay giả dối sanh ra những cảm xúc trơn, rít, lạnh, nóng. Nên biết thọ ấm cũng như vậy.

Anan, các cảm xúc không từ hư không đến, không từ bàn tay ra. Nay Anan, nếu từ hư không đến sanh cảm xúc nơi bàn tay, sao không sanh cảm xúc nơi thân thể? Không lẽ hư không lựa chỗ để sanh cảm xúc. Nếu cảm xúc từ bàn tay ra thì

cần gì hai bàn tay phải hợp lại? Nếu hợp sanh cảm xúc thì khi rời, cảm xúc phải chạy vào xương tủy cánh tay. Vậy nên biết rằng thọ ấm giả dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

TƯỚNG ẤM

Anan, ví như có người nghe nói mơ chua, miệng chảy nước bọt; nghĩ đến đứng trên dốc cao, lòng bàn chân ghê rợn. Nên biết tưởng ấm cũng như vậy.

Anan, câu chuyện mơ chua không phải do quả mơ sanh, không phải do miệng vào. Thật vậy Anan, nếu do quả mơ sanh thì quả mơ tự nói sao phải đợi người? Nếu từ miệng vào thì miệng tự nghe cần gì đến tai? Nếu riêng tai nghe thì nước bọt sao không từ tai chảy ra? Câu chuyện nghĩ đến đứng trên dốc cao cũng như vậy. Nên biết tưởng ấm giả dối, không

phải nhân duyên, không phải tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

HÀNH ẤM

Anan, ví như dòng nước mạnh. Sóng cuộn cuộn, lớp trước lớp sau không vượt nhau. Hành ấm cũng vậy.

Anan, tánh chảy không nhân hư không sanh, không nhân nước có, không phải tánh nước, cũng không lìa hư không và nước. Thật vậy Anan, nếu nhân hư không sanh thì 10 phương hư không vô cùng phải thành dòng nước vô tận. Thế giới sẽ bị chìm đắm. Nếu chảy do nước ra thì hiện tại phải có hai tướng riêng biệt nước và chảy. Nếu chảy là tánh của nước thì khi nước đứng lặng, lẽ ra không phải nước. Rồi hư không và nước, không thể có tánh chảy. Vậy nên biết rằng hành ấm giả dối, không phải nhân duyên, không

phải tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

THỨC ẤM

Anan, ví như có người lấy bình Tần-già bịt cả hai vòi. Rồi vác đầy bình hư không đi xa ngàn dặm đem biểu nước khác. Nên biết thức ấm cũng như vậy.

Anan, hư không không đến từ phương kia cũng không vào phương này. Thật thế Anan, nếu đến từ phương kia thì bình đã đựng hư không đem đi, chỗ cũ phải thiếu hư không. Nếu đưa vào phương này thì khi mở miệng bình trút ra, phải thấy hư không ra. Nên biết thức ấm giả dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh⁽²⁵⁾.

2- Sáu nhập⁽²⁶⁾:

Anan, vì sao 6 nhập vốn là Như Lai Tạng diệu chân như tánh?

NHÂN NHẬP

Anan, nếu mắt ngó trừng trừng, khi mỗi sẽ thấy có hoa đốm ở hư không. Cả cái thấy và hoa đốm đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần sáng tối phát ra cái thấy thâm nạp các trần tượng. Cái thấy rời hai trần sáng tối rất ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, ông nên biết cái thấy không từ sáng tối đến, không từ con mắt ra cũng không phải do hư không sanh. Nếu từ sáng đến thì khi tối đã theo sáng diệt, làm sao thấy tối? Nếu từ tối đến thì khi sáng đã theo tối diệt, làm sao thấy sáng? Nếu do con mắt sanh, không có sáng tối, cái thấy vốn không. Nếu do hư không ra ngó thấy các trần tượng, xoay về phải thấy con mắt.

Vậy nên biết nhân nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

NHĨ NHẬP

Anan, ví như người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai. Tai mỗi mệt, trong đầu hóa ra có tiếng. Cả cái nghe cùng cái tiếng đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần động tĩnh phát ra cái nghe thâm nạp các trần tượng. Tánh nghe rời hai trần động tĩnh rất ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, cái nghe không từ động tĩnh đến, không từ tai ra, không do hư không sanh. Nếu nghe từ tĩnh đến thì khi động đã theo tĩnh diệt, lẽ ra không nghe động. Nếu từ động đến thì khi tĩnh đã theo động diệt, lẽ ra không biết tĩnh. Nếu do tai sanh, không có động tĩnh làm sao nghe? Nếu do hư không ra, đã có tánh nghe tức không phải là hư không.

Vậy nên biết rằng nhĩ nhập luống dối, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

TỶ NHẬP

Anan, ví như có người bịt chặt hai lỗ mũi. Bịt lâu thành mỗi mệ. Trong mũi nghe có cảm xúc lạnh. Nhân cảm xúc mà phân biệt thông tắc, rộng đặc, các mùi thơm thối. Cả cái ngửi cùng các hương trần đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần thông và tắc phát ra cái ngửi thâm nạp các trần tượng. Cái ngửi rời hai trần thông và tắc rốt ráo không có tự thể. Ngửi không phải từ thông tắc đến, không từ mũi ra, cũng không do hư không sanh. Nếu từ thông đến thì khi tắc cái ngửi đã mất rồi, làm sao biết tắc? Nếu nhân tắc có thì khi

thông, không còn cái ngửi, làm sao biết được các mùi thơm thối? Nếu từ mũi ra, không có thông tắc, cái ngửi vốn không. Nếu do hư không sanh thì cái ngửi đó quay về ngửi mũi ông.

Vậy nên biết rằng tỵ nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

THIỆT NHẬP

Anan, ví như người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sanh mỗi mệ. Nếu bình thì có vị đắng, không bình thì có chút vị ngọt. Do những cảm xúc ngọt đắng bày tỏ tánh nếm. Bình thường thì có tánh nhạt. Cả nếm và các vị trần đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần nhạt và ngọt đắng phát ra cái nếm thâm nạp các trần tượng. Tánh nếm rời hai trần nhạt và ngọt đắng rốt ráo không có tự thể. Thật vậy Anan,

cái nếm không từ ngọt đắng đến, không nhân nhạt mà có, không từ lưỡi ra cũng không do hư không sanh. Nếu từ ngọt đắng đến thì khi nhạt cái nếm đã diệt rồi, làm sao biết nhạt? Nếu từ nhạt ra thì khi ngọt cái nếm đã mất, làm sao biết ngọt? Nếu do lưỡi sanh, không có ngọt đắng và nhạt thì lưỡi vô dụng. Nếu do hư không sanh thì hư không tự biết, nào có dính gì đến thiết nhập của ông?

Vậy nên biết thiết nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

THÂN NHẬP

Anan, ví như có người dùng bàn tay lạnh nắm bàn tay nóng. Thế bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng lạnh theo. Thế bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh thành ra nóng. Như vậy cảm xúc lúc hợp hiển rõ lúc ly. Cái thế chênh lệch giữa nóng và

lạnh sanh ra cảm xúc. Cả cái biết xúc cùng các xúc trần đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần ly và hợp phát ra cái biết cảm xúc thâm nạp các trần tượng. Rồi hai trần ly và hợp, trái và thuận, cái biết cảm xúc rốt ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, cảm xúc không từ ly hợp tới, không từ trái thuận có, không do thân thể ra cũng không phải hư không sanh. Nếu từ hợp đến, khi ly cái biết đã mất làm sao biết ly? Đối với hai tướng trái thuận cũng vậy. Nếu từ thân ra, không có ly hợp trái thuận, làm sao có cảm xúc? Nếu từ hư không ra thì dính gì đến chỗ thâm nạp của ông?

Vậy nên biết rằng thân nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

Ý NHẬP

Anan, ví như người mỗi nhọc thì ngủ. Ngủ chán thức dậy. Nhận biết trần cảnh gọi là nhớ. Không nhớ gọi là quên. Nên có các pháp trần điên đảo sanh trụ diệt. Thói quen thâm nạp các pháp trần thành một dòng không lộn lạo gọi là ý căn. Cả ý căn cùng các pháp trần đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chằm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần sanh và diệt nhóm cái biết ở trong, thâm nạp các pháp trần. Ý hay biết thấy nghe ngược dòng vào trong, chẳng những duyên với pháp trần mà còn có thể dung thông với tất cả năm căn ngoài. Đó là chỗ năm căn ngoài không bì kịp. Ý hay biết rời hai trần thức và ngủ, sanh và diệt, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, ý hay biết không từ thức ngủ đến, không do sanh diệt có,

không từ ý căn ra cũng không do hư không sanh. Nếu từ thức đến, thì khi ngủ đã theo thức diệt rồi còn lấy gì làm cái ngủ? Nếu lúc sanh mới có thì khi diệt đã thành không, còn lấy gì biết diệt? Nếu do diệt mà có thì khi sanh không có diệt, lấy gì biết sanh? Nếu do ý căn ra, rời hai tướng thức ngủ, bộ thần kinh vô dụng. Nếu do hư không sanh thì hư không tự biết, quan hệ gì đến ông?

Vậy nên biết ý nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

5- Mười hai xứ⁽²⁷⁾:

Anan, vì sao 12 xứ vốn là Như Lai Tạng diệu chân như tánh?

- 2 xứ sắc trần và nhãn căn

Anan, ông hãy xem rừng cây Kỳ Đà và các suối ao. Ý ông thế nào? Sắc trần sanh

ra cái thấy hay cái thấy sanh ra sắc tướng? Nếu cái thấy sanh ra sắc tướng thì khi thấy hư không, tánh thấy đã tiêu, làm sao thấy hư không? Nếu cái thấy sanh ra hư không thì cũng như vậy. Nếu sắc trần sanh ra cái thấy thì khi thấy hư không, cái thấy đã tiêu, lấy gì rõ được hư không và sắc tướng?

Vậy nên biết cái thấy cùng sắc không đều không có xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- 2 xứ thanh trần và nhĩ căn

Anan, ông nghe trong vườn Kỳ Đà, khi bữa ăn dọn rồi thì đánh trống, khi chúng nhóm lại thì đánh chuông. Tiếng chuông tiếng trống trước sau nối nhau. Ý ông nghĩ sao? Cái tiếng đến bên cái nghe hay cái nghe đến chỗ cái tiếng? Anan, nếu cái tiếng đến bên cái nghe thì cũng

như khi tôi khát thực trong thành Thất La Phiệt, tại rừng Kỳ Đà không có tôi nữa. Cái tiếng đã đến bên cái nghe của Anan thì lẽ ra Mục Kiền Liên, Ca Diếp không cùng nghe. Huống chi trong vườn có 1250 Sa-môn, một khi nghe tiếng chuông đồng đến chỗ ăn cơm cả. Nếu cái nghe đến bên cái tiếng thì cũng như tôi khi đã về rừng Kỳ Đà rồi, trong thành Thất La Phiệt không có tôi nữa. Cũng vậy khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến cái trống rồi. Tiếng chuông cùng phát, lẽ ra ông không thể nghe cả hai. Huống chi ông còn nghe tiếng voi ngựa trâu dê và nhiều tiếng khác. Còn như nghe và tiếng nếu không gặp nhau, làm sao thành nghe?

Vậy nên biết rằng cái nghe và cái tiếng đều không có xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- 2 xứ hương trần và tỵ căn

Anan, lư trầm vừa đốt, ông hãy ngửi hương chiên đàn. Hương này đốt một thù thì cả thành Thất La Phiệt trong vòng 40 dặm đồng thời đều ngửi mùi thơm. Ý ông nghĩ sao? Mùi thơm sanh do gỗ chiên đàn, do mũi ông hay do hư không? Nếu mùi thơm do mũi ông ra, mũi không phải chiên đàn sao lại có mùi thơm chiên đàn? Vả lại ngửi mùi thơm thì mùi thơm phải bay vào mũi. Nay từ mũi phát ra mùi thơm, sao gọi là ngửi? Nếu mùi thơm từ hư không ra, tánh hư không thường còn, mùi thơm phải thường có, cần gì đốt trầm trong lư? Nếu mùi thơm do cây chiên đàn ra thì chất thơm do đốt trầm thành khói xông vào mũi mới thành ngửi. Nay khói đó bay lên hư không chưa được bao xa, làm sao những người trong 40 dặm đều ngửi thấy thơm cả?

Vậy nên biết rằng hương trần và ngửi đều không xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- 2 xứ vị trần và thiệt căn

Anan, ông thường hai thời cầm bình bát đi khát thực. Có khi gặp những món tô, lạc, đề hồ gọi là vị quý. Ý ông nghĩ sao? Vị đó sanh ra do hư không, do lưỡi hay do món ăn? Anan, nếu vị trần sanh ra do lưỡi, lưỡi đã là vị tô rồi nếu gặp đường phèn chắc không biết vị. Lưỡi không có nhiều thể, làm sao biết được nhiều vị? Nếu món ăn sanh ra vị, nào có dính gì đến ông? Nếu do hư không sanh ra vị, đã có thể làm mặn lưỡi ông ắt cũng làm mặn mặt ông. Mọi người trong thế gian sẽ như cá biển.

Vậy nên biết rằng vị trần và cái nếm đều không có xứ sở. Không phải nhân

duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- 2 xứ xúc trần và thân căn

Anan, ông thường sớm mai lấy tay xoa đầu. Ý ông nghĩ sao? Cái biết cảm xúc ở nơi tay hay ở nơi đầu? Xoa đầu sanh ra giác biết. Cả đầu và tay đều có biết. Vậy cái nào là năng xúc, cái nào là sở xúc? Anan, cần phải xét kỹ nghĩa chữ xúc. Bên năng xúc có biết, bên sở xúc không biết, năng sở tương hợp mới thành nghĩa xúc. Nếu nói năng xúc ở tay thì đầu phải không biết. Nay đầu cũng biết thành ra cả đầu và tay đều là năng xúc. Không có sở xúc làm sao thành xúc? Nay cả đầu và tay đều có biết thì ông Anan có hai cái biết, lý ứng phải có hai thân. Nếu đầu và tay sanh ra một xúc thì đầu và tay đồng một thể. Nếu một thể thì làm sao thành xúc? Nếu hai thể thì xúc ở bên nào? Ở

bên năng không ở bên sở. Ở bên sở không ở bên năng. Chẳng lẽ hư không tạo thành cái xúc cho ông.

Vì thế nên biết cảm xúc và thân căn đều không có xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh⁽²⁸⁾.

- 2 xứ pháp trần và ý căn

Anan, ông thường trong ý duyên với ba tánh thiện, ác và vô ký. Những pháp trần đó tức nơi tâm sanh hay rời tâm riêng có chỗ? Anan, nếu pháp trần tức là tâm, không phải trần cảnh, không phải chỗ duyên của tâm làm sao thành một xứ? Nếu rời tâm, pháp trần riêng có chỗ thì có biết hay không có biết? Nếu có biết tức là tâm, thành ra ông có hai tâm. Nếu không biết, pháp trần đã không phải sắc, thanh, hương, vị, ly hợp, lạnh nóng và hư không thì nó ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc

không, không thể chỉ nó ra được. Không lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không? Không có cảnh sở duyên, ý căn do đâu lập thành xứ?

Vậy nên biết pháp trần cùng ý căn đều không có xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

4- Mười tám giới⁽²⁹⁾:

Anan, làm sao 18 giới vốn là Như Lai Tạng diệu chân như tánh?

- Nhãn, sắc, nhãn thức giới

Anan, ông đã biết nhãn căn và sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức. Thức nhân nhãn căn sanh, lấy nhãn căn làm giới; hay nhãn sắc trần sanh, lấy sắc trần làm giới?

Anan, nếu nhãn căn sanh, không có sắc không, không thể phân biệt. Cái

thấy không có xanh vàng đỏ trắng, không thể biểu hiện, do đâu lập giới?

Nếu nhãn sắc trần sanh ra thì khi chỉ có hư không, không có sắc, cái thức đã không có làm sao biết được hư không? Thế thì do đâu mà lập sắc trần làm giới? Nếu gồm hai thứ nhãn căn và sắc trần chung cùng sanh ra thức. Khi căn trần hợp lại thì thức ở giữa phải lìa ra. Khi căn trần lìa nhau, hai đầu của thức phải nối với căn và trần. Thế tánh xen lộn, làm sao thành giới?

Vậy nên biết nhãn căn sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Nhĩ, thanh, nhĩ thức giới

Anan, nhĩ căn và thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức. Thức này nhân

nhĩ căn sanh, lấy nhĩ căn làm giới hay nhân thanh trần sanh, lấy thanh trần làm giới?

Anan, nếu nhân nhĩ căn sanh mà hiện tiền không có hai tướng động tĩnh thì cái biết của nhĩ căn không thành, hướng nữa còn sanh ra thức phân biệt. Nếu nhân thanh trần sanh ra thức, thanh trần không dính líu gì đến cái nghe? Đã không nghe thì cũng không biết được thanh trần ở đâu, làm sao lập giới? Không lẽ thanh trần và cái nghe xen lộn thành giới ở giữa? Giới ở giữa đã không thì các tướng nội căn ngoại trần do đâu thành lập?

Vậy nên biết nhĩ căn thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Ty, hương, ty thức giới

Anan, ty căn và hương trần làm duyên sanh ra ty thức. Thức này nhân ty căn sanh ra, lấy ty căn làm giới hay nhân hương trần sanh ra, lấy hương trần làm giới?

Anan, nếu nhân ty căn sanh. Ông lấy hình tướng mũi thịt như hai móng tay làm ty căn hay lấy tánh biết ngửi làm ty căn? Nếu lấy hình tướng mũi thịt thì chất thịt là thân căn. Cái biết của thân căn là cảm xúc. Vậy còn không phải là ty căn, do đâu mà lập thành giới? Nếu lấy cái biết ngửi làm ty căn mà không có hai trần thông tắc thì ty căn đã không, làm sao có ty thức? Nếu từ hương trần mà có ty thức, cũng như nhân con mắt mà thấy nên không thể thấy trở lại con mắt. Ty thức nếu nhân hương trần mà có lẽ ra không biết được hương trần. Nếu biết được hương trần thì không phải do hương

trần sanh. Nếu không biết được hương trần thì không phải là ty thức. Đã không có cái thức trung gian thì nội căn ngoại trần cũng không thành.

Vậy nên biết ty căn hương trần làm duyên sanh ra ty thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Thiệt, vị, thiệt thức giới

Anan, thiệt căn và vị trần làm duyên sanh ra thiệt thức. Thức đó do thiệt căn sanh ra, lấy thiệt căn làm giới hay nhân vị trần sanh ra, lấy vị trần làm giới?

Anan, nếu nhân thiệt căn sanh mà không có hai trần nhạp và ngọt đắng thì thiệt căn đã không, làm sao có thiệt thức?

Nếu nhân vị trần sanh, thiệt thức lẽ ra không có phân biệt. Mà đã không có phân biệt thì không thể gọi là thức, làm

sao lập giới? Không lẽ hư không sanh ra cái thức của ông?

Nếu thiệt căn, vị trần hòa hợp sanh thì cái thức ở giữa không tự tánh, làm sao lập giới?

Vậy nên biết thiệt căn vị trần làm duyên sanh ra thiệt thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Thân, xúc, thân thức giới

Anan, thân căn và xúc trần làm duyên sanh ra thân thức. Thức đó nhân thân căn sanh, lấy thân căn làm giới, hay nhân xúc trần sanh, lấy xúc trần làm giới?

Anan, nếu nhân thân căn sanh mà không có hai trần hợp ly thì thân căn còn không có, làm sao sanh ra thân thức? Nếu nhân xúc trần sanh mà không có thân căn, thì làm sao biết hợp biết ly?

Anan, vật không cảm xúc, thân căn biết cảm xúc. Tức nơi cảm xúc mà biết có thân căn. Tức nơi thân căn mà biết có cảm xúc. Nhưng đã là cảm xúc thì không phải thân căn. Đã là thân căn thì không phải cảm xúc. Cả hai tướng thân căn và xúc trần vốn không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp một với thân căn thì tức là tự thể của thân căn rồi. Còn nếu rời hẳn thân căn thì xúc trần thành không. Nội căn ngoại trần đã không, làm sao có thức ở giữa để lập giới?

Vậy nên biết thân căn xúc trần làm duyên sanh ra thân thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Ý, pháp, ý thức giới

Anan, ý căn và pháp trần làm duyên sanh ra ý thức. Thức đó nhân ý căn sanh

ra, lấy ý căn làm giới hay nhân pháp trần sanh, lấy pháp trần làm giới?

Anan, nếu nhân ý căn sanh ý thức. Tâm ý ông có chỗ nghĩ ngợi. Chính dòng suy nghĩ là ý căn của ông. Vì thế rời pháp trần, ý căn không có hình tướng. Tự mình đã không làm sao sanh ra ý thức?

Tánh tư lương (ý căn) và tánh liễu biệt (ý thức) là đồng hay khác? Ý thức nếu đồng với ý căn thì tức là ý căn, sao còn nói do ý căn sanh? Nếu không đồng với ý căn thì lẽ ra không biết gì. Chỉ hai tánh đồng và khác còn không thành, làm sao lập được giới?

Nếu nhân pháp trần sanh ý thức. Các pháp trong thế gian không ngoài năm trần. Sắc thanh hương vị xúc có tướng rõ ràng đối với năm căn, đều không phải là pháp trần, không thuộc về phần thân nạp của ý căn. Nếu ý thức quyết định do pháp

trần sanh thì pháp trần của pháp trần hình trạng thế nào? Pháp trần là nguyên nhân đã không thành thì cái thức do nó sanh ra có hình tướng gì? Hình tướng còn không có làm sao lập giới?

Vậy nên biết ý căn pháp trần làm duyên sanh ra ý thức, cả ba giới đều không. Không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

5- Bảy đại⁽³⁰⁾:

Anan: “Bạch Thế Tôn, Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp. Tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều nhân 4 đại hòa hợp mà thành. Nay đức Như Lai lại bác bỏ cả nhân duyên tự nhiên. Con không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót chỉ bày cho chúng sanh chỗ rốt ráo của trung đạo, không còn hí luận”.

– Ông nhầm chán tiểu thừa, phát tâm tha thiết cầu Vô-thượng Bồ-đề nên tôi chỉ bày đệ nhất nghĩa đế. Làm sao ông còn đem những nhân duyên vọng tưởng hí luận thế gian mà tự ràng buộc. Ông tuy nghe nhiều nhưng cũng như người nói tên vị thuốc, đến khi thuốc thật ở trước mắt lại không phân biệt được. Nay ông nghe kỹ. Như Lai thương xót vì ông phân tích. Cũng để cho những người tu đại thừa sau này thông suốt thật tướng.

Anan yên lặng kính vâng Thánh chỉ.

Phật dạy: Anan, như ông đã nói: “Bốn đại hòa hợp phát ra các thứ biến hóa trong thế gian”. Nếu tánh các đại không hòa hợp thì không thể lẫn lộn với các đại khác. Cũng như hư không không thể hòa hợp với sắc tướng. Nếu tánh các đại là hòa hợp thì cũng đồng như các thứ biến hóa, thủy chung thành nhau, sanh diệt nối nhau. Sanh rồi diệt, diệt rồi sanh,

sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay tròn không dừng nghỉ. Anan, như nước thành băng, băng lại thành nước.

ĐỊA ĐẠI

Ông hãy xét tánh địa đại, to là đất liền, nhỏ là vi trần. Cực vi là sắc tướng nhỏ tột. Nếu đem chẻ ra làm bảy phần thì sẽ có lân-hư-trần. Nếu chẻ lân-hư-trần nữa thì chỉ còn hư không.

Anan, nếu lân-hư-trần chẻ thành hư không thì ra hư không sanh sắc tướng. Nếu hòa hợp sanh ra các tướng biến hóa trong thế gian, ông hãy xét một lân-hư-trần phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có. Lân-hư-trần đã chẻ được thành hư không thì phải dùng bao nhiêu sắc tướng để chẻ cho thành cả bầu hư không kia? Nhưng trên sự thật, sắc tướng hợp lại không thể thành hư không. Cũng

như hư không hợp lại không thể thành sắc tướng.

Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, tánh sắc chân không, tánh không chân sắc, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, tùy tâm chúng sanh ứng lượng sở tri, tuần nghiệp phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

HỎA ĐẠI

Anan, hỏa đại không có tự thể, nương các duyên mà phát hiện. Ông hãy xem các nhà ở trong thành, khi muốn nhóm bếp, tay cầm kính dương-toại đưa trước mặt trời mà lấy lửa.

Anan, phạm gọi là hòa hợp thì như tôi cùng ông và 1250 Tỳ-kheo hiện nay hợp thành một chúng. Chúng chỉ có một song gạn xét về căn bản, mỗi người đều có

thân và tên họ riêng. Như Xá Lợi Phất thuộc dòng Bà-la-môn, Ưu Lôu Tần Loa thuộc dòng Ca-diếp-ba cho đến Anan thuộc dòng họ Cù-dàm.

Anan, nếu lửa nhân hòa hợp mà có thì khi cầm kính lấy lửa nơi mặt trời, lửa đó từ kính ra, do bụi nhụi có hay từ mặt trời đến?

Anan, nếu từ mặt trời đến thì lửa đã đốt được bụi nhụi trong tay ông, những rừng cây, ánh sáng mặt trời đi qua, lẽ ra đều bị cháy. Nếu từ kính ra thì lửa đã có thể đốt cháy bụi nhụi, làm sao kính lại không bị cháy? Tay ông cầm kính sao không thấy nóng? Nếu do bụi nhụi sanh thì cần gì ánh sáng mặt trời và kính tiếp đối? Ông hãy xét kỹ, kính do tay cầm, mặt trời ở trên cao, bụi nhụi từ đất sanh. Vậy lửa từ phương nào đến? Mặt trời và kính xa nhau, không hòa không hợp. Không lẽ lửa không do đâu tự có.

Ông còn không biết trong Như Lai Tạng, tánh hỏa chân không, tánh không chân hỏa, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết.

Anan, ông nên biết một người cầm kính, một chỗ có lửa. Khắp pháp giới cầm kính, khắp pháp giới bốc lửa. Lửa ở khắp thế gian, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

THỦY ĐẠI

Anan, tánh nước không nhất định, khi chảy khi dừng. Thành Thất La Phiệt, các tiên ông và các nhà huyền thuật cầu tinh thái âm để hòa với thuốc, đợi những đêm sáng trăng, tay cầm châu Phương-chư hứng nước trong ánh trăng. Vậy nước ấy

từ hạt châu ra, do hư không có hay từ mặt trăng đến?

Này Anan, nếu từ mặt trăng đến, từ phương xa còn có thể làm cho hạt châu chảy nước thì những rừng cây ánh trăng đi qua lẽ ra đều phải đắm nước. Nếu đắm nước thì sao lại phải đợi có châu Phương-chu? Nếu không đắm nước thì rõ ràng nước không phải từ mặt trăng xuống. Nếu nước từ hạt châu ra thì hạt châu thường chảy nước, sao phải đợi ánh trăng? Nếu hư không sanh, hư không không bờ bến, nước cũng phải vô tận. Cõi người cõi trời lẽ ra phải chìm ngập hết. Ông hãy xét kỹ, mặt trăng ở trên trời, hạt châu do tay cầm, mâm hứng nước đặt trên bàn. Vậy nước từ phương nào chảy đến? Mặt trăng và hạt châu xa nhau, không hòa không hợp, không lẽ nước kia không do đâu mà tự có.

Ông còn không biết trong Như Lai Tạng, tánh thủy chân không, tánh không chân thủy, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết. Một chỗ cầm hạt châu, một chỗ nước chảy. Khắp pháp giới cầm hạt châu, đầy pháp giới nước sanh. Thủy đại ở khắp thế gian, đâu có chỗ riêng biệt, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

PHONG ĐẠI

Anan, phong đại không có tự thể, khi động khi tĩnh không chừng. Ông thường sửa áo Tăng-già-lê có chút gió phẩy qua mặt người bên cạnh. Gió này do áo cà sa ra, do hư không phát khởi hay do mặt người kia sanh? Anan, nếu gió từ cà sa ra

thì ông đã mặc gió. Lẽ ra cái áo phải bay tung, rời khỏi thân ông. Nay tôi thuyết pháp, ông hãy xem áo tôi rủ xuống, gió ở chỗ nào. Không lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió. Nếu gió do hư không sanh thì khi áo không động sao không có gió? Nếu gió sanh do mặt người, lẽ ra phải phẩy lại ông. Sao đợi ông sửa áo mới phẩy ngược đến người kia?

Ông hãy xét kỹ: Sửa áo do ông, mặt thuộc người kia, hư không yên lặng. Tánh gió và tánh hư không khác nhau, không hòa không hợp, không lẽ gió không do đâu mà tự có.

Ông thật không biết trong Như Lai Tạng, tánh phong chân không, tánh không chân phong, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết. Anan, như một mình ông động, một chút gió

phát ra. Khắp pháp giới đều phẩy, khắp pháp giới có gió.

Phong đại đầy đầy thế gian, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

KHÔNG ĐẠI

Anan, hư không vô hình, nhân sắc tướng mà tỏ bày. Trong thành Thất La Phiệt chỗ cách xa sông, các dòng họ khi dựng nhà mới, đào giếng lấy nước. Đào đất ra một thước thì trong giếng có một thước hư không. Đào đất ra một trượng thì trong giếng có một trượng hư không. Hư không nông sâu tùy đào đất nhiều ít. Hư không nhân đất ra, nhân đào có hay không nhân gì tự sanh?

Anan, nếu hư không không nhân gì tự sanh thì trước khi chưa đào đất, sao nơi đó không trống rỗng mà chỉ thấy toàn đất? Nếu nhân đất có thì khi đất ra phải thấy hư không vào. Còn nếu không ra không vào thì hư không và đất không khác nhau. Vậy khi đất ra sao hư không không ra? Nếu nhân đào mà có thì phải đào ra hư không chớ sao đào lại ra đất? Nếu không nhân đào ra thì sao đào lại thấy hư không?

Ông hãy xét kỹ, nhận rõ chính xác, đào do tay người, đất từ đất liền dời đi. Đào là sự việc, hư không rỗng trống, không hòa không hợp, không lẽ hư không không do đâu mà tự có.

Hư không bản tánh viên mãn cùng khắp bất động và bốn thứ đất nước gió lửa đều gọi là ngũ đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng không sanh không diệt.

Anan, tâm ông mê muội không ngộ được năm đại tánh Như Lai Tạng. Ông hãy xét kỹ hư không ra vào hay không ra vào. Ông toàn không biết trong Như Lai Tạng, tánh giác chân không, tánh không chân giác, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết. Anan, một giếng trống không thì hư không sanh trong một giếng. Mười phương trống không thì hư không sanh khắp mười phương. Không đại cùng khắp, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.⁽³¹⁾

KIẾN ĐẠI

Anan, kiến-đại giác mà không phân biệt, nhân sắc không mà hiển lộ. Như hiện nay ban ngày sáng ban đêm tối, nửa

đêm trăng tròn cũng sáng, vắng trăng lại tối. Những tướng sáng tối ấy do cái thấy phân tách. Cái thấy đồng một thể với các tướng sáng tối hư không hay không đồng một thể? Hoặc cũng đồng cũng không đồng. Cũng khác cũng không khác?

Anan, sáng tối tiêu diệt lẫn nhau. Nếu sáng đồng một thể với thấy thì khi tối, thấy đã tiêu diệt. Nếu tối đồng một thể với thấy thì khi sáng, thấy phải tiêu diệt. Làm sao còn thấy được sáng tối? Sáng tối khác nhau, thấy không sanh diệt, làm sao đồng một thể? Rồi sáng tối và hư không, thấy trở thành lông rùa sừng thỏ, làm sao không đồng? Sáng và tối trái ngược nhau, thấy tối thấy sáng, tánh thấy không dời đổi, làm sao không phải khác?

Anan, hãy xét cho kỹ, suy xét chín chắn, nhận cho cùng, nghiên cứu cho rõ. Sáng do mặt trời, tối tại đêm không trăng, thông suốt thuộc về hư không,

ngăn bịt thuộc về đất liền. Vậy cái thấy nhân đâu mà ra? Cái thấy tánh giác, hư không vô tri, không hòa không hợp, không lẽ cái thấy không do đâu mà tự có.

Tất cả thấy nghe hay biết bất động, bản tánh cùng khắp. Kiến đại cùng với hư không không bờ bến không lay động. Bốn đại đất nước gió lửa chuyển biến. Tất cả sáu đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng không sanh không diệt.

Anan, tánh ông chìm đắm, không ngộ được thấy nghe hay biết vốn là Như Lai Tạng. Ông chưa từng biết trong Như Lai Tạng, tánh thấy là tánh minh của bản giác. Tịnh minh của bản giác biểu lộ nơi cái thấy. Bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết.

Như nơi nhãn căn, Thấy cùng khắp pháp giới, thì Nghe Ngửi Nếm Xúc Biết,

công năng nhiệm màu sáng suốt cũng cùng khắp pháp giới. Đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

THỨC ĐẠI

Anan, thức đại không có nguồn gốc, nhân sáu thứ căn trần giả dối phát ra. Nay ông hãy xem Thánh chúng trong hội. Cái thấy lướt qua, trông khắp chỉ như những bóng hiện trong gương, không phân tách riêng biệt. Cái thức của ông liền thứ lớp chỉ ra: Đây là Văn Thù, đây là Phú Lô Na, đây là Xá Lợi Phất. Cái thức nhận biết như thế sanh ra do cái thấy, do các tướng, do hư không hay không nhân gì bỗng nhiên có?

Này Anan, không có sáng tối sắc không, cái thấy còn không có, do đâu phát sanh ra thức? Nếu các tướng sanh ra thức thì thức này không có tánh biết, làm sao biết được sáng tối sắc không? Nếu hư không sanh ra thức thì hẳn thức cũng phải vô tri như hư không. Nếu thức không nhân gì bỗng nhiên phát ra, làm sao không phân biệt mặt trăng sáng giữa lúc mặt trời đứng bóng?

Ông hãy xét kỹ, nhận xét chín chắn. Cái thấy nương con mắt. Các tướng trả về cho tiền cảnh. Thức lay động, thấy tròng lạng, không hòa không hợp. Nghe, Ngửi, Hay, Biết cũng đều như vậy. Nên xét Thức đại phân biệt và Kiến đại thấy nghe hay biết viên mãn trạm nhiên, bản tánh không nương vào đâu, cùng với hư không, đất nước gió lửa, chung gọi là bẩy đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng không sanh diệt.

Anan, ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, tánh Thức là cái biết của Bản Minh. Giác Minh thật là chân Thức. Bản giác diệu minh trừng lạng khắp pháp giới, ẩn hiện mười phương, đâu có phương sở riêng biệt chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

d) Anan giác ngộ phát nguyện:

Anan và đại chúng ơn đức Như Lai vi diệu khai thị, thân tâm sáng tỏ được không quản ngại, tự biết tâm mình ở khắp mười phương. Thấy mười phương hư không như xem chiếc lá trong lòng bàn tay. Vạn vật trong thế gian đều tức là tâm Bồ-đề diệu minh. Ngó lại cái thân cha mẹ sanh thành, chẳng khác hạt bụi

chợt còn chợt mất, như mảnh phù ôu thoát nổi thoát tan. Tự biết rõ ràng bản diệu giác tâm thường trụ bất diệt, chấp tay lễ Phật, được điều chưa từng có, nói kệ ca ngợi công đức Phật:

*Diệu trạm, tổng trì, đấng bất động,
Thủ Lăng Nghiêm thế gian hiếm có.
Tiêu diên đảo tưởng từ ức kiếp,
Khiến tu hành mau chứng Pháp-thân.*

*Nguyện con sớm chứng quả Bảo
Vương,
Như Phật tế độ hàng sa chúng.
Thâm tâm phụng thờ vi trần cõi,
Như thế gọi là báo Phật ân.*

*Lại thỉnh Thế Tôn vì chứng minh:
Ngũ trước ác thế thể vào trước.
Còn một chúng sanh chưa thành Phật
Thì con còn chưa hưởng Niết-bàn.*

***Đại hùng, đại lực, đại từ bi,
Vì con thấm trừ vi tế hoặc,
Khiến con sớm lên Vô Thượng Giác,
Ngồi đạo tràng ở khắp 10 phương.***

***Hư không kia có thể tiêu vong,
Tâm kim cương chẳng bao giờ chuyển.***



MỤC 3: QUYẾT NGHỊ

1

*a) Như Lai Tạng thanh tịnh do đâu hốt
nhiên có chúng sanh?*

Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử trật vai áo bên phải, gối phải chấm đất, quỳ thẳng chấp tay, cung kính bạch: Đại oai đức Thế Tôn khéo vì chúng sanh diễn bày đệ nhất nghĩa đế. Phật tuyên minh cốt để trừ mê hoặc cho chúng con. Bạch Thế Tôn! Bọn ông Anan tuy nói là đã khai ngộ nhưng thật chưa trừ hết tập khí hữu lậu. Đến như bản thân con đã dự hàng vô học, đã được Thế Tôn cho là người thuyết

pháp đứng hàng đầu. Vậy mà con nay vẫn còn nhiều nghi hoặc. Như kẻ điếc ở xa trăm bước, lắng nghe tiếng muỗi mòng. Mắt sáng còn không thấy nổi, huống chi tai điếc làm sao nghe?

1.- Bạch Thế Tôn, Như Lai Tạng bản nhiên thanh tịnh. Vì sao hốt nhiên thành các tướng hữu vi thứ lớp thiên lưu, diệt rồi lại sanh, nối tiếp không dứt?

2.- Làm sao bày đại đồng viên dung khắp pháp giới mà không lằng diệt lẫn nhau? Con nay không biết nghĩa ấy do đâu. Xin Phật phát lòng đại từ vén mây mê lầm cho con và đại chúng.

Nói rồi năm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai.

b) Chỉ rõ căn nguyên hư vọng:

Đức Thế Tôn bảo Phú Lô Na và các A-la-hán: Ngày nay Như Lai chỉ bày tánh

chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa, khiến:

a. Hàng định tánh Thanh-văn cùng những ai chưa được nhị không (nhân-không, pháp-không) phát tâm hồi hướng thượng thừa.

b. Các bậc A-la-hán đều được Nhất thừa, cảnh giới tịch diệt, chân a-lan-nhã, chính tu hành xứ.

Ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói.

Các ông Phú Lô Na lắng lắng kính vâng.

- Nay Phú Lô Na! Như ông vừa hỏi, đã là bản nhiên thanh tịnh làm sao bỗng sanh ra núi sông đất liền? Vậy ông không thường nghe Như Lai chỉ dạy: “Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu” hay sao?

- **Bạch Thế Tôn! Vâng, con thường được nghe.**

- **Giác Minh nghĩa là bản tánh Minh nên gọi là Giác hay vì Giác không minh nay phải minh thêm?**

- **Không minh mà gọi là Giác ắt Giác vô sở minh (không biết gì).**

- **Theo ý ông hễ vô sở minh ắt không minh giác. Nhưng thật ra hễ có sở (để đối với năng) thì không phải là Giác. Không minh sao gọi là Giác Tánh Trạng Minh? Nay Phú Lô Na, tánh giác vốn minh, vọng mà muốn minh thêm cái giác (sinh tướng vô minh). Giác không năng sở⁽³²⁾. Nhân minh lập sở (tướng phân) liền có vọng năng (kiến phân). Trong tánh không khác không đồng, bỗng thành có khác (chuyển tướng: thức thứ 8). Nhân khác với cái khác mà lập đồng (hiện tướng) để rồi lại có không đồng không khác (hữu tình**

chúng sanh, thân không đồng vì thân căn bốn đại chất ngại, tánh không khác vì kiến tinh vẫn diệu minh). **Vọng tâm vọng cảnh đối đãi sanh lao** (dẫn khởi thức bảy). **Lao lự mãi** (hàng thắm tư lường, phân biệt pháp chấp) **phát sanh trần niệm nhiễm trước** (ý thức, ngã chấp câu sanh) **tự vẫn đục lẫn nhau** (theo danh chấp tướng: ngã chấp phân biệt), **đưa đến trần lao phiền não** (khởi nghiệp tướng). **Nổi lên thành thế giới, lặng xuống thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác** (y báo). **Cái không đồng không khác là các pháp hữu vi** (chánh báo. Khổ tướng: chúng sanh đọa trong ngục 5 ấm bao giờ xuất ly?).

c) Ba tướng tiếp tục:

Tánh giác sáng suốt, hư không mê muội, đối đãi nhau thành chuyển động nên có phong luân nắm giữ thế giới. Trong hư không dao động, tánh Minh kiên ngưng để chướng ngăn, thành tánh

cứng. Các loại kim bảo đều do Minh Giác kiên ngưng cho nên có kim luân nắm giữ cõi nước. Phong đại và kim bảo cọ xát nhau nên có hỏa đại là tánh biến hóa. Ngọn lửa xông lên, kim bảo chảy nước cho nên có thủy luân ở mười phương. Lửa bốc lên, nước sa xuống, giao nhau phát hiện lập thành chất đặc. Chỗ ướt là biển lớn, chỗ khô là gò nổi. Vì vậy trong biển thường khởi sáng lửa, trong gò nổi sông ngòi thường chảy. Thế nước kém thế lửa kết thành núi cao. Vì vậy đá núi đập bật tia lửa, nấu chảy ra nước. Thế đất kém thế nước rút thành cỏ cây. Vì vậy rừng rú đốt ra đất, vắt ra nước.

Vọng tưởng giao xen phát sanh, xoay vần làm chủng tử cho nhau. Do nhân duyên ấy thế giới tiếp tục.

Này Phú Lô Na, vọng chẳng phải gì khác, tánh giác vốn minh lại thêm phân biệt hóa ra lầm lỗi. Sở minh đã vọng lập

thì năng minh không vượt khỏi. Do nhân duyên ấy nghe không ngoài tiếng, thấy không ngoài sắc. Sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp đã vọng lập thì một tinh minh phân khai thành sáu căn Thấy Nghe Ngửi Nếm Xúc Biết.

Đồng nghiệp ràng buộc nhau mà hợp, ly, thành, hóa. Cái thấy phát minh các sắc. Vọng tâm thấy vọng cảnh, khởi vọng hoặc. Ý kiến khác nhau thành ghét, đồng nhau thành ái. Dục tưởng thành hạt giống. Thân nạp hạt giống thành thai. Giao cấu phát sanh, hấp dẫn đồng nghiệp nên có nhân duyên sanh ra yết-la-lam, át-bồ-đàm v.v...⁽³³⁾ Thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh, tùy phận sở ứng. Noãn duy tưởng sanh, thai nhân tình có, thấp hợp ẩm ướt thành thân. Còn hóa sanh thì lia thân cũ mà ứng hiện.

Tình tưởng hợp ly thay nhau dời đổi nên các loài theo nghiệp mà lên xuống

luân hồi. Do nhân duyên ấy chúng sanh tiếp tục.

Này Phú Lô Na, tưởng ái thật chặt, ái chẳng thể rời nên cha mẹ con cháu sanh nhau không ngắt. Bọn này lấy tham dục làm gốc. Thai noãn thấp hóa tùy sức mạnh yếu ăn nuốt lẫn nhau, bọn này lấy tham sát làm gốc. Người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê. Cứ như vậy mười loài sanh rồi chết, chết rồi sanh, cướp mạng lẫn nhau, cùng với nghiệp ác cùng sanh cùng tử. Bọn này lấy tham trộm làm gốc. Người này mắc nợ thân mạng người kia, người kia trả nợ người này. Vì nhân duyên ấy trải trăm ngàn kiếp ở trong luân hồi. Người này yêu tâm người kia, người kia mến sắc người này. Vì nhân duyên ấy trải trăm ngàn kiếp trong vòng ràng buộc. Duy 3 món sát đạo dâm là gốc. Do đó nghiệp quả tiếp tục.

Phú Lô Na, ba thứ điên đảo tiếp tục ấy đều do tánh Giác Minh. Nhân phân biệt thấy có tướng, theo vọng tưởng kiến chấp sanh. Các tướng hữu vi, núi sông đất liền, thứ lớp đổi dời. Nhân đây hư vọng cứ hết lại bắt đầu.

d) Giác không sanh mê:

Phú Lô Na bạch: Bản diệu giác minh của chúng sanh vốn đồng tâm Phật, không tăng không giảm, vô trạng hốt sanh núi sông đất liền các tướng hữu vi. Như Lai nay được Diệu Không Minh Giác. Vậy bao giờ núi sông đất liền cùng chúng sanh nghiệp quả lậu tập lại sanh ra⁽³⁴⁾?

- Ví như người mê nơi một xóm làng, lầm phương Nam thành phương Bắc. Mê này nhân mê mà có hay nhân ngộ mà ra?

- Cũng không nhân mê, cũng không nhân ngộ. Mê vốn không có gốc, làm sao nhân mê? Còn ngộ không phải là cái sanh

ra mê, làm sao nói nhân ngộ?

– Người mê kia, chính trong lúc mê bỗng có người ngộ chỉ bày cho tỉnh. Phú Lô Na, ý ông thế nào? Người ấy tỉnh rồi còn mê nữa không?

– Thưa không.

– Phú Lô Na, mười phương Như Lai cũng vậy. Mê không có gốc. Tánh rốt ráo không. Xưa vốn không mê, chỉ hình như có mê có giác. Giác rồi mê diệt. Giác không sanh mê. Người đã khỏi bệnh lóa, hoa đốm đã diệt. Ở chỗ hư không mong đợi hoa đốm sanh nữa. Ông xét người ấy là ngu hay trí?

– Hư không vốn không hoa đốm. Thấy hoa đốm sanh diệt đã là điên đảo. Lại còn muốn nó sanh trở lại thì thật là điên cuồng. Chẳng thể gọi là ngu hay trí!

– Ông hiểu như vậy, làm sao còn hỏi tánh diệu giác minh của chư Phật lúc nào

lại sanh ra núi sông đất liền. Vàng đã luyện thành ròng rôi, không xen quặng nữa. Cây đã đốt thành tro, không trở lại hình cây. Bồ-đề Niết-bàn của chư Phật cũng vậy.

2

a) Bày đại viên mãn dung hòa:

Phú Lô Na, ông hỏi về đất nước gió lửa, bản tánh viên mãn dung hòa, cùng khắp pháp giới. Ông nghi sao nước lửa lại không lấn nhau diệt nhau. Hư không và địa đại đều cùng khắp pháp giới, lẽ ra không dung nhau.

Này Phú Lô Na, hư không bản thể không phải sắc tướng nhưng không ngăn cản sắc tướng phát huy. Trong hư không, mặt trời soi thì sáng, mây kéo thì tối, gió lay thì động, trời tạnh thì trong, hơi đọng thì đục, bụi nổi thì mù, nước đứng thì

ánh. Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy do vật sanh hay nhân hư không có? Phú Lô Na, khi mặt trời chiếu soi, đã là mặt trời sáng thì mười phương thế giới phải thành sắc mặt trời, làm sao giữa hư không còn riêng thấy mặt trời tròn? Nếu là hư không sáng thì hư không tự soi chiếu, làm sao giữa đêm mây mù không sáng? Vậy nên biết sáng không phải mặt trời, không phải hư không. Cũng không lia hư không và mặt trời. Xét tướng vốn vọng không thể chỉ bày. Cũng như hoa đóm ở hư không, bao giờ kết quả? Làm sao còn gạn hỏi cái nghĩa lẩn diệt lẫn nhau? Xét tánh vốn chân, nguyên diệu giác minh. Tánh giác diệu minh vốn không phải là nước hay lửa, làm sao còn hỏi nghĩa không dung được nhau?

Bản tánh diệu minh chân thật cũng như vậy. Ông phát minh hư không thì có

hư không hiện ra. Đất nước gió lửa mỗi mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra. Nếu cùng phát minh thì cùng hiện.

Thế nào là cùng hiện? Phú Lô Na, như trong một dòng sông hiện bóng mặt trời. Hai người cùng thấy mặt trời trong nước. Rồi một đi về Đông, một đi về Tây. Hai bên đều thấy có mặt trời theo mình cùng đi. Không nên gạn hỏi mặt trời có 1 sao lại thành 2? Mặt trời đã thành 2, làm sao trước kia chỉ thấy 1? Hư vọng uyển chuyển không thể bằng cứ.

b) Hợp với trần tướng:

Phú Lô Na, ông đem sắc không lẩn cướp lẫn nhau nơi Như Lai Tạng. Như Lai Tạng sẽ theo ông làm sắc làm không cùng khắp pháp giới. Vậy nên trong ấy gió thổi thì động, hư không yên lặng, mặt trời chiếu sáng, mây mù thành tối. Chúng sanh mê lầm, trái với giác tánh,

hợp với trần tướng, phát lao nên có các tướng thế gian.

c) Hợp với Như Lai Tạng:

Tôi dùng tánh diệu minh không sanh diệt hợp với Như Lai Tạng thì Như Lai Tạng diệu minh tịch chiếu khắp pháp giới. Một là vô lượng, vô lượng là một. Trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ. Không động đạo tràng mà cùng khắp mười phương, thân hàm cả hư không vô tận. Cõi bảo vương hiện trong đầu mây lông. Ngồi trên mây bụi chuyển bánh xe pháp lớn. Diệt trần hợp giác nên phát chân như diệu giác minh tánh.

d) Thế tịch “phi” tất cả:

Nhưng Như Lai Tạng bản tánh diệu viên, không phải là tâm, là không, là đất nước gió lửa. Không phải là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không phải là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không phải là nhỡn

thức giới đến ý thức giới. Không phải vô minh hay vô minh tận... cho đến không phải lão tử, lão tử tận. Không phải khổ tập diệt đạo. Không phải là trí là đắc. Không phải là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã ba la mật đa. Cho đến cũng không phải là Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri. Không phải là đại Niết-bàn, thường lạc ngã tịnh. Vì Như Lai Tạng không phải là các pháp thế gian hay xuất thế gian.

đ) Dụng chiếu “tức” tất cả:

Như Lai Tạng bản tánh minh diệu cũng tức là tâm, là không, là đất nước gió lửa. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tức là nhỡn thức giới cho đến ý thức giới. Tức là vô minh, tức là hết vô minh... cho đến tức là lão tử, hết lão tử. Tức là khổ tập diệt đạo. Tức là trí là đắc. Tức là bố thí, trì

giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã ba la mật đa. Cho đến tức là Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri. Tức là đại Niết-bàn, thường lạc ngã tịnh. Vì Như Lai Tạng tức là các pháp thế gian và xuất thế gian.

e) Diệu trí phát diệu dụng:

Tánh giác diệu minh Như Lai Tạng rời các nghĩa “tức” “phi” cũng là “tức” là “phi”. Làm sao thế gian 3 cõi và các hàng xuất thế gian (Thanh-văn, Duyên-giác) có thể đem chỗ hiểu biết của mình mà đo lường Vô-thượng Bồ-đề Như Lai? Làm sao dùng tiếng nói thế gian mà vào được tri kiến Phật? Như chiếc dương cầm, ngón tay vụng về chỉ phát ra bản nhạc trần lao mệt nhọc. Còn tay tài tử thì ở ngay nơi đó, phu tấu nhạc diệu du dương. Ông cùng chúng sanh cũng vậy. Tâm tánh chân thật ai nấy đầy đủ. Nhưng tôi chỉ cần ấn ngón chân, hải ấn phát quang⁽³⁵⁾.

Còn các ông vừa mống tâm, trần lao đã khởi. Do không siêng năng cầu đạo vô thượng giác, chỉ ưa nhớ tiểu thừa, được chút ít đã cho là đủ.

3

a) Chúng sanh nhân đâu có vọng:

Phú Lô Na bạch: “Chân tâm viên giác diệu minh của con và Như Lai đều viên mãn không hai. Con vì vọng tưởng khiến ở lâu trong luân hồi. Nay được thánh thừa còn chưa rõ ráo. Thế Tôn đã diệt trọn tất cả các vọng, chỉ có diệu dụng chân thường. Xin hỏi Như Lai: Hết thấy chúng sanh nhân đâu có vọng, tự lấp diệu minh mà chịu luân chuyển?”

b) Mê không nguyên nhân:

Phật bảo Phú Lô Na: “Ông tuy trừ nghi nhưng còn lầm chưa dứt. Nay tôi lại đem những việc hiện tiền thế gian để hỏi

ông. Há ông không nghe, trong thành Thất La Phiệt, có anh Diễn Nhã Đạt Đa, buổi mai soi gương, thấy lông mày con mắt. Rồi giận trách đầu mình sao không thấy mặt mày, cho là giống yêu quái, bỗng nhiên phát điên bỏ chạy. Theo ý ông, người ấy vì sao phát điên?

- Người ấy tâm cuồng, không có cơ gì khác.

- Diệu giác minh viên vốn vẫn viên minh diệu. Đã gọi là vọng làm sao có nhân. Nếu có nguyên nhân đâu còn gọi là vọng. Vọng tưởng xoay vần làm nhân lẫn nhau. Mê lại chứa mê trái vi trần kiếp. Phật tuy phát minh mà chúng sanh vẫn không thể trở về. Nếu rõ mê không nhân thì vọng không chỗ nương. Còn không có sanh, lấy gì để diệt. Được đạo Bồ-đề như người tỉnh giấc, kể chuyện chiêm bao. Nhớ biết rõ ràng nhưng làm sao lấy được vật trong mộng. Diễn Nhã Đạt Đa nhân

duyên gì tự sợ đầu bỏ chạy? Bỗng nhiên hết điên nhưng cái đầu đâu phải từ ngoài đưa tới. Ngay khi đang điên, đầu cũng không hề mất. Phú Lô Na, tánh vọng là như vậy, nguyên nhân ở đâu?

c) Diệu pháp liên hoa bất hoại:

Chỉ cần không theo phân biệt 3 tướng tiếp tục là thế giới, chúng sanh, nghiệp quả. Tham sân si đã đoạn, sát đạo dâm không sanh. Tánh Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm ông sẽ tự hết. Hết tức Bồ-đề thắng tịnh minh tâm, bản lai cùng khắp pháp giới, không từ ai đem lại. Nào cần gì phải tu chứng nhọc nhằn vất vả.

Ví như có người ở vạt áo buộc một hạt châu như ý mà không hay biết. Người này phải đi xin ăn rong ruổi phương xa, tuy thật nghèo nàn nhưng hạt châu không hề bị mất. Bỗng nhiên có người trí chỉ cho. Từ đó người ấy muốn gì được nấy, thành

giàu có lớn. Hạt châu quý báu không từ ngoài tới.

4

a) Nghị nhân duyên tự nhiên:

Anan đánh lễ chân Phật bạch rằng: “Đức Thế Tôn hiện nói 3 duyên tham sân si đoạn rồi, 3 nhân sát đạo dâm không sanh, tánh diên Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự hết. Hết tức Bồ-đề, không nhờ ai khác đưa tới. Như thế rõ ràng là nhân duyên rồi. Nay sao đức Như Lai lại bác bỏ nghĩa nhân duyên? Chính con do nhân duyên mà tâm được khai ngộ. Bạch Thế Tôn! Đâu phải chỉ hàng Thanh-văn hữu học chúng con, hiện trong hội này, đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề v.v... cũng từ lão Phạm Chí nghe lý nhân duyên của Phật mà phát tâm tu hành, nay đã được quả vô lậu. Nếu Bồ-đề không

do nhân duyên thì các thuyết tự nhiên của Câu Xá Ly ở thành Vương Xá lại thành đê nhất nghĩa. Xin Phật rủ lòng đại bi, khai mở chỗ mê lầm cho chúng con”.

b) Dùng thí dụ bài xích:

– Nay Anan, tức như Diễn Nhã Đạt Đa, nếu diệt trừ nhân duyên tánh diên thì tánh không diên tự nhiên hiện ra. Các lý nhân duyên tự nhiên rốt cùng chỉ có vậy.

Anan, đầu Diễn Nhã Đạt Đa vốn tự nhiên. Đã tự nhiên thì có lúc nào không tự nhiên. Vậy nhân duyên gì sợ đầu mà phát diên bỏ chạy? Đầu vốn không mất. Vì diên mà sợ chạy chớ nào có thay đổi gì mà phải nhờ đến nhân duyên. Nếu tánh diên vốn là tự nhiên và vốn sẵn có thì khi chưa diên, cái diên núp ở chỗ nào? Nếu tánh không diên là tự nhiên thì cái đầu vẫn không mất, sao lại phát diên bỏ

chạy? Nếu tỉnh ngộ biết đâu vẫn đây, biết mình chạy chỉ vì điên thì nhân duyên và tự nhiên đều là hí luận.

c) Dẫn vào Bồ-đề:

Vậy nên tôi nói 3 duyên đoạn trừ tức tâm Bồ-đề. Tâm sanh-diệt diệt, tâm Bồ-đề sanh, đó vẫn là sanh diệt. Bao giờ diệt và sanh đều hết mới là vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như vậy rõ ràng tâm tự nhiên sanh, tâm sanh-diệt diệt, đây cũng là sanh diệt. Cái không sanh diệt gọi là tự nhiên. Cũng như các tướng hòa lẫn thành ra một thể gọi là tánh hòa hợp. Cái không hòa hợp gọi là tánh bản nhiên. Bản nhiên không phải bản nhiên. Hòa hợp không phải hòa hợp. Hòa hợp và bản nhiên đều rời bỏ. Rời bỏ và không rời bỏ đều “phi”. Câu này mới không hí luận.

Bồ-đề Niết-bàn còn xa. Nếu không nhiều kiếp siêng năng tu chứng thì ghi nhớ thanh tịnh diệu lý 12 bộ kinh của mười phương hằng hà sa Như Lai, càng thêm hí luận.

Ông nói lý nhân duyên tự nhiên chắc chắn rõ ràng. Người đời khen ông là học giỏi bậc nhất. Lịch kiếp huân tập nghe nhiều vẫn không thoát nạn Ma Đăng Già. Phải đợi thần chú Phật Đỉnh của tôi dập tắt tâm dâm, cô chứng quả A-na-hàm thành rừng tinh tấn ở trong Phật Pháp, ông mới được giải thoát. Vậy nên Anan, nhiều kiếp vâng giữ Như Lai bí mật diệu nghiêm chẳng bằng một ngày tu vô lậu nghiệp, xa rời thế gian hai khổ yêu ghét. Dâm nữ Ma Đăng Già nhờ sức thần chú tiêu diệt tâm ái, nay là Tánh Tỳ-kheo-ni. Cùng với mẹ La Hầu La là Gia Du Đà La, rõ biết nhiều đời đã qua chỉ khổ vì tham ái nên một lòng huân tu pháp vô lậu

thiện. Một người đã giải thoát, một người được thọ ký. Sao ông tự khinh, còn vương thấy nghe.



CHÚ THÍCH



(1) **Samatha:** Chỉ, như để yên ly nước tự lắng. Theo văn kinh dùng Quán (Tỳ Bà Xá Na: vipassana) để ngẫm xét vạn pháp hư vọng, bản tánh là Như Lai Tạng. Rồi dùng vi mật quán chiếu để an định tinh thần. Sáu căn đình chỉ không chạy theo sáu trần. Tổ Vĩnh Nghiêm gọi phần Samatha là từ tuệ vào định.

Tam-ma: Chánh định, như gạn lấy nước trong bỏ phần cặn đục. Tổ Vĩnh Nghiêm gọi phần này là từ định phát tuệ. Đức Quán Thế Âm phản văn, phá xong 5 ấm, chúng tịch diệt hiện tiền tức là hoàn toàn trở về bản giác.

Thiền-na: Tĩnh lự, đã gạn được nước trong rồi, phải khuấy lên để nghiệm xem còn chút cặn đục nào thì gạn nốt. Tổ Vĩnh Nghiêm gọi phần này là định tuệ cân phân. Nghĩa là tương sáng đã tinh thuần rồi, ra vào sanh tử độ chúng sanh không còn phiền não. Từ đây an lập Thánh vị.

(2) Phiền não chướng: Thuộc ngã chấp. Thô là phân biệt, tế là câu sanh. Thô là thân kiến. Tế là nhậm vận khởi tham sân, nối tiếp sanh tử, chướng việc tu chứng. Cũng gọi là sự chướng, không được hưởng những vui thắng diệu cõi trời cõi người.

Sở tri chướng: Thuộc pháp chấp. Thô là phân biệt, tế là câu sanh. Thô là không đạt sáu trần duy tâm, cho là thật có ở ngoài nên hư vọng thủ chấp. Tế là pháp ái, không đạt tu chứng tánh không, nhậm vận sanh ái trước không thể xả ly. Hai chữ sở-tri không phải là chướng mà nếu ngại chánh tri kiến tức chướng Bồ-đề. Cũng gọi là lý chướng, làm chướng chỗ chứng lý pháp không.

(3) Chũ vạn: Tầu gọi là cát tường hải vân: một tướng lành do công phu thực hiện vạn đức mới thành. *Chũ Vạn:* căn bản trí; *phóng quang:* hậu đắc trí; *từ chũ vạn phóng quang:* dùng cả hai trí để hiển chân.

(4) Khai mở mắt thanh tịnh: như như trí. Xa lìa phân biệt, sáu trần không can thiệp.

(5) Khách: kiến hoặc. **Trần:** tư hoặc. Kiều Trần Như thấu rõ cái khổ luân hồi nên phá kiến-hoặc tư hoặc. Dứt được Tập, liền chứng A-la-hán.

(6) Tay co mở: đại diện cảnh trần nay nắng mai mưa, nay vinh mai nhục v.v...

Đầu quay trái phải: đại diện thân căn động loạn.

Tĩnh: trước động nay dừng nghỉ. Tánh thấy bản lai không hề động nên Anan trả lời “còn không tĩnh huống chi là động”.

(7) Người già mắt nhìn không rõ chữ. Đeo kính vào lại thấy rõ như người trẻ. Chúng tổ con mắt già chớ tánh thấy không già.

(8) Mẫu-đà-la: bắt ấn.

(9) Đâu-la-miên: mềm như bông.

(10) Đầu ngón tay giơ lên là chánh, chúc xuống là đảo. Dù chánh hay đảo, cánh tay vẫn y nguyên không thêm bớt. Dụ cho tâm chúng ta, dù làm Phật hay làm ma, chân tâm vẫn y nguyên không thêm bớt. Phật nhấn mạnh chỗ này để cho phàm phu vững tin mình có khả năng thành Phật. Kinh Phạm Võng: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành. Thường có lòng tin như vậy thời giới phẩm đã trọn vẹn”.

Tuy chánh tà đều hư vọng nhưng “chánh” cảm quả báo nhân thiên còn hy vọng có đường giải thoát, chớ “tà” vào địa ngục, thai trâu, bụng ngựa, bao giờ tỉnh ngộ? Khách còn ở trong ba cõi xin lưu ý.

(11) Sắc: 5 căn + 6 trần. **Tâm:** 8 tâm vương. **Các duyên:** nhân duyên, sở duyên duyên v.v... **Tâm sở:** 51

thiện ác. **Các pháp sở duyên:** 24 bất tương ưng hành là chỗ thức sở duyên + 6 vô vi là chỗ trí sở duyên.

Mê muội thành hư không. Trong tám tối kết ám thành sắc: Mê muội (vô minh) nhìn xung quanh thấy là hư không. Mê muội tăng trưởng, trong hư không thấy ra 7 đại. Từ đây biến hóa thành vạn pháp.

Sắc tạp vọng tưởng: Do ăn uống và thở, thâu nạp 4 đại kết thành thân.

Tướng của vọng tưởng là thân: Hỗn láo cảm quả báo làm chó. Ngang ngược cảm quả báo làm cua v.v...

Tụ duyên giao động bên trong: 6 căn lãnh 6 trần đem vào tâm suy nghĩ rồi lại tham sân chạy theo vọng cảnh. Tâm phan duyên này chính là gốc của luân hồi, còn có tên là vọng tâm hay căn bản sanh tử.

(12) Pháp: chân tâm; **Duyên:** trợ duyên để nhận được chân tâm.

Pháp tánh: tánh của chân tâm.

(13) Mặt trắng: chân tâm; **Ngón tay:** kinh pháp; **Sáng:** trí tuệ; **Tối:** ngu; **Mất tối:** ngu mà không biết mình ngu.

(14) Vô sanh: vạn pháp đều có chỗ trả về: có nhân duyên để phát sanh cũng như có cha mẹ để thành

thân. **Cái thấy không chỗ trả về:** không cha mẹ: không sanh.

(15) Cũng như máy ảnh, tùy theo các tia sáng mặt trời mà ảnh có gần xa rộng hẹp. Plack là chỗ nhận hình vẫn bất động. Con mắt cũng thế, thấy cảnh gần xa rộng hẹp là do các tia sáng chiếu qua con ngươi. Còn thị giác thần kinh là nơi lãnh các hình ảnh vẫn bất động.

(16) Trong bài kiến tinh bất động, Phật quở chúng sanh nhận vật làm mình nghĩa là thâu đất nước gió lửa kết làm thân, lấy bóng ảnh pháp trần nhận làm tâm. Vì thế chịu luân hồi sanh tử.

Còn ở đây nói lầm mình là vật: chỉ nhận kiến phần của thức A-lại-da làm ta. Còn tướng phần chấp là cảnh. Cho nên xa trái viên thông, ngược đạo Bồ-đề.

(17) Kiến tinh bất nhị (tánh thấy không hai): Bởi kiến tánh lượng quát 10 phương, thể chu vạn pháp, cùng với vạn pháp chẳng tức, chẳng ly:

a) *Trí cảnh phân minh:*

Linh quang độc rõ, thoát cả căn trần, thân giới không can, sanh tử không hệ. Chúng sanh không đạt nghĩa này nên lẫn lộn chân vọng, trầm溺 luân hồi.

b) *Trí cảnh phi đồng phi dị.* (Nếu cây không phải là cái thấy làm sao thấy được cây. Nếu cây tức là cái

thấy làm sao gọi là cây):

Trần sát phổ dung, vạn vật nhất thể, sắc tâm không hai. Tiểu thừa không đạt nghĩa này nên trầm không trệ tịch, mắc ở hóa thành.

Từ đầu kinh tới đây Phật chỉ nói nghĩa “Bất Tức” (thấy không phải vật) để phân chân lọc vọng, quyết chọn thể ly trần độc lập. Nay nói về nghĩa “Bất Ly”, đem vọng về chân, để hiển cái diệu cùng vật hỗn dung. Vì sợ người đương cơ chỉ biết kiến tánh ly nhất thiết tướng (cái cây là cái cây, không phải cái thấy) mà không biết kiến tánh thị nhất thiết pháp (nếu cái cây không phải là cái thấy thì làm sao thấy được cây).

c) *Trí cảnh nhất như* (như ông là Văn Thù, lại có ai là Văn Thù thật hay không có Văn Thù?): Tánh Phật tuyệt đối (không năng sở đối đãi). Chân tâm chỉ có một, không có hai để so sánh mà hỏi phải chân tâm hay không phải chân tâm. Câu này tiêu biểu ngoài tâm không pháp, vạn pháp là tâm. Không có gì khác cả, chỉ có tâm thôi.

Phụ chú KIỀN TINH BẤT NHỊ

Bốn thánh đế mộng mênh tóm lại có 2 chiều:

1. Khổ và Tập là nhân quả lưu chuyển sanh tử.
Khổ: Quả sanh già bệnh chết. Tập: Tham sân si các phiền não là nhân.
2. Diệt và Đạo là nhân quả trở về chân tâm bản tánh mình để thành Phật.

Phật gọi tâm chúng ta là đại thừa (*cỗ xe lớn*). Học Lăng Nghiêm là nghiên cứu về cỗ xe này. Tùy duyên bất biến như nước nổi sóng, cùng hiển nghĩa Bất nhị.

Y một Tâm có hai cảnh khác nhau:

Chân như: Như Lai Tạng: tỉnh.

Sanh diệt: Thức tạng: mê.

Tùy theo lực dụng nhiễm tịnh mạnh yếu mà có thánh phàm các nghiệp báo. Chân: chân thật. Như: cứ như thế. (*Tâm Kinh: không như không sạch, không sanh không diệt, không thêm không bớt*), tuyệt đối ly tướng, ly niệm. Ngoài xa lìa tướng sai biệt của tất cả pháp (*dứt cảnh*). Trong không tâm niệm lăng xăng (*dứt tâm*). Tâm và Cảnh đều dứt gọi là Tánh Không. (*Tâm Kinh: Trong tánh Chân Không không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức... vô sở đắc*). Nhưng tiếp theo ngay nói: Bồ-tát y Bát Nhã ba la mật đa nên tâm không quản ngại... nên được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vậy không phải là cái không rỗng tuếch mà tiềm tàng hằng sa tánh đức nên gọi là chân không. Chỉ vì vô minh chấp vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh nên bị ngăn che. Cứ mỗi niệm khởi là một ngăn che. Chân tâm liền bị chia 2 (*vọng tâm đối với vọng cảnh*). Vô niệm là trở về Phật trí. Thiên tông coi phương pháp này là chia khóa vào đạo Phật. Đức Quán Thế Âm khi sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền tức là đã chứng được Diệu Pháp Liên Hoa (*chân tâm*) nên có thần thông diệu dụng như phẩm Phổ Môn nói. Phật A Di Đà đã trở về tâm bất nhị (*vô lượng thọ*) nên mới có khả năng thiết lập cõi An Lạc để đón pháp giới hữu tình, bảo đảm thành công cho những ai cầu Phật đạo.

Chúng ta không biết chân như là pháp duy nhất, động tâm sanh niệm thành căn bản vô minh, gốc sanh tử (*bất giác*). Mỗi niệm phân Như Lai Tạng thành hai tướng Năng và Sở. Chân trí thành vọng kiến. Năng đã vọng thì sở kiến hẳn toàn vọng cảnh. Vọng tưởng niệm niệm phan duyên sáu trần, đóng trụ sở ngay ở tâm thể chân như. Vì không biết nhất chân pháp giới tánh thể chân như bất nhị nên cứ khởi niệm phân biệt tức là theo vô minh.

Trong vọng tưởng vẫn có cái Biết (*tùy duyên bất biến*). Tỉnh ra trở về vô niệm là căn bản Bồ-đề (*kiến*

ting) liền chứng bản hữu (*vô sanh pháp nhãn*). Muốn trở về trước hết phải quán ngã (*năng*) và pháp (*sở*) đều không để tỉnh ra.

Trải 10 ngôi Tín chuyên quán để phá kiến hoặc tư hoặc.

Kế 10 ngôi Trụ + 10 ngôi Hạnh + 10 ngôi Hồi Hướng + 7 ngôi Địa giải thoát vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh.

Từ Địa 8 – 9 bắt đầu trở về tánh không hai. Địa 10 mới xong căn bản vô minh. Vào Như Lai địa mới thật hết vô minh, thấu rõ pháp giới chỉ có một, không chi khác nên gọi chân tâm chúng ta là Nhất chân pháp giới.

Chúng ta hiện nay tu hành toàn nương ý thức, tâm phan duyên (*vọng tâm*). Trên đường sanh tử nó là tội vi tiên, ma vương chúa quỷ từ nó mà ra. Nay nó đã tỉnh ngộ biết chán khổ đọa lạc, sợ sanh tử. Trong sứ mạng trở về thì công của nó cũng lại đứng đầu. Bao giờ nhận được kiến tinh là căn bản Bồ-đề, như đức Quán Thế Âm tu phản văn, chuyên soi chiếu tánh nghe, an định lìa niệm. Dùng chân trí soi chân lý, được vô công dụng đạo mới có dụng của chân như. Đức Phật lìa năng kiến sở kiến đối đãi. Tâm ở khắp pháp giới chính là tánh thể của vạn pháp nên không

gì chẳng biết, biết khắp và biết đúng gọi là chánh biến tri.

Công đức. Nghe pháp này mà không sợ hãi thì có khả năng hưng long giống Phật, sẽ được thọ ký. Giáo hóa tất cả chúng sanh cõi Ta Bà tu mười thiện, công đức không bằng suy ngẫm tu hành pháp này khoảng một bữa ăn (*đây là nói tu Thiền, pháp môn niệm Phật công đức cũng thế*). Thọ trì quan sát một ngày một đêm, mười phương Phật khen công đức trái a tăng kỳ kiếp cũng không hết.

Hủy báng không tin, tội báo vô lượng kiếp.

Tất cả Như Lai y pháp này được Niết-bàn.

Tất cả Bồ-tát y pháp này được thật trí.

Tất cả Phật tử y pháp này được lòng tin thanh tịnh.

Viết phỏng theo Luận Đại Thừa Khởi Tín của Mã Minh Bồ-tát.

(18) **Đà-la-ni:** Tổng trì: tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa.

Đà-la-ni { **Nhiều chữ:** chú Thủ Lăng Nghiêm.
Một chữ: chữ Âm.
Không chữ: tịnh Viên Giác tâm.

(19) **Kiến văn giác tri hư vọng bệnh duyên**

hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử: y báo chánh báo đều do nhân duyên nên sanh diệt không đình. Vô minh là nhân, nghiệp thức là duyên. Nhân duyên hòa hợp, trong vô sanh hư vọng có sanh. Có mà huyền có. Nhân duyên biệt ly, hư vọng gọi là diệt. Đây là từ chân khởi vọng. **Nếu có thể lia các duyên hòa hợp cùng không hòa hợp liền diệt trừ nhân sanh tử:** đây là phản vọng quy chân.

Hai thứ điên đảo vọng kiến là gốc luân hồi. Biệt nghiệp vọng kiến thuộc sự thức là nhân phận đoạn sanh tử. Đồng phận vọng kiến thuộc nghiệp thức là nhân biến dịch sanh tử. Lìa gốc thì ngọn trừ, tức văn dưới nói rằng: “Không tùy phân biệt thế giới, nghiệp quả, chúng sanh, ba món tương tục”. Hòa hợp duyên tức cảnh biệt nghiệp, không những Hoặc hiện còn có nghiệp hòa hợp thành. Như nghiệp thức ở trong sanh tử lại còn cộng thêm nghiệp trộm cắp để phải đầu thai làm trâu đền nợ. Hoặc cộng thêm nghiệp bòn sẻn để phải đầu thai làm quỷ đói. Bất hòa hợp duyên tức cảnh đồng phận chỉ do Hoặc hiện không có nghiệp hòa hợp. Như nghiệp thức tuy tự mình vẫn là biến dịch sanh tử nhưng không cộng thêm những nghiệp để phải vào phận đoạn sanh tử.

Nếu có thể xa lìa: Vì mật quán chiếu có công lìa vọng về chân. Tu đại định Thủ Lăng Nghiêm rõ biết

cảnh duyên biệt nghiệp hay đồng phạm đều hư vọng không thật có, tức xa lìa cả hai hòa hợp và không hòa hợp. Nếu không lìa duyên liền bị vật chuyển. Nếu có thể lìa duyên tức là chuyển được vật. Chân giác có rõ rệt mới lìa được vọng kiến. Có lìa vọng kiến mới trở về được chân giác. Bằng cứ lóng giữ cái thấy nghe, chẳng lìa vọng thì làm sao dứt nghiệp luân hồi mà chứng quả thường trụ (tri kiến lập tri tức vô minh bản).

Chỉ có việc không thủ kiến duyên, không theo vọng kiến, trọn ngày đối cảnh, trọn ngày không có cảnh nào để đối. Năng sở không lập, pháp pháp toàn chân. Thế là thường trụ Thủ Lăng Nghiêm tam-muội (tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn).

(20) Vì văn trên trong bài “Kiến tinh chưa phải kiến tánh”, Anan có lời bạch rằng: “Con còn chưa rõ nhân duyên tự nhiên, các tướng hòa hợp và bất hòa hợp. Nay nghe “Kiến tinh chưa phải kiến tánh” càng thêm mê muội...”. Nên Phật phải nói hai vọng kiến để trả lời câu hỏi hiện tại, gỡ mê cấp bách. Xong rồi nói bài này để minh tỏ bản diệu giác minh không phải hòa hợp hay bất hòa hợp, nêu bày ý chỉ nhất thể của vạn pháp. Nói tánh giác do hòa hợp sanh ắt trái câu “Ly nhất thiết tướng”. Nói phi hòa hợp ắt trái câu “Tức nhất thiết pháp”. Cuối cùng không văn kết riêng vì khoa này chỉ giải thích mê tình còn sót lại của khoa trên.

(21) Đương xứ xuất sanh: Như cái bàn không từ đâu đến mà ngay tại chỗ đủ duyên hòa hợp (gỗ, đinh, công thợ) thành cái bàn.

Tùy xứ diệt tận: Cái bàn không đi về đâu mà ngay chỗ các duyên tan rã (đinh long, gỗ mục, không người sửa chữa) cái bàn diệt.

(22) PHÁP SỨ VIÊN ANH GIẢNG BÀI TÓM THÁU:

Anan, ông còn chưa biết hết thấy phù trần các tướng huyễn hóa, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, huyễn vọng gọi là tướng, tánh thể chân thật là diệu giác minh.

Khoa trên nói về kiến tinh không có văn kết chính để hiển kiến tinh tướng vọng tánh chân. Cùng với văn dưới hội thông 4 khoa Ấm, Nhập, Xứ, Giới. Quán tướng sanh diệt toàn vọng, luận tánh tức vọng đều chân. Kiến tinh đầy đủ trong căn là ước về gần. Thật ra thì lượng chu biến cả pháp giới, khắp làm thể cho vạn pháp. Cho nên cùng hội hợp dung thông, nhiếp sự quy lý, hội tướng nhập tánh, tình và vô tình đồng thể, xứ xứ đồng chân pháp giới. Từ đây không dùng danh từ kiến tinh kiến tánh nữa mà cải là Như Lai Tạng diệu chân như tánh. Kiến tánh là biệt, riêng ước về một căn. Tạng tánh là tổng, nhiếp cả 6 căn. Chỉ có cái tên tổng biệt khác nhau chớ bản thể không khác.

Tất cả các pháp như hoa đốm trong hư không, như bóng trong gương, như cảnh trong mộng. Hoàn toàn không có thật thể nắm bắt được. Tướng tuy vọng mà tánh thật là diệu giác minh. Tướng không lìa tánh. Diệu: không tướng mà có thể hiện tất cả tướng.

Như vậy cho đến 5 âm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới nhân duyên hòa hợp hư vọng có sanh, nhân duyên biệt ly hư vọng gọi là diệt.

Các nơi chỉ nói về Ấm Xứ Giới. Duy kinh này thêm 6 nhập vì viên thông pháp môn đặt trọng căn tánh.

Bốn khoa đầu hết vạn pháp, tóm lại có 2 là Sắc và Tâm, tùy theo căn cơ mà khai hợp.

a) Người mê tâm nhiều mê sắc ít thì hợp sắc khai tâm. Hợp tất cả sắc làm một sắc âm; khai một tâm thành 4 (thọ tướng hành thức). Nên nói 5 âm.

b) Mê sắc nặng, mê tâm nhẹ thì hợp tâm khai sắc mà nói 12 xứ. Hợp tất cả tâm pháp làm một ý căn. Khai một sắc pháp thành 5 căn 6 trần.

c) Mê cả sắc và tâm đều nặng thì khai cả sắc và tâm mà nói 18 giới. Tâm khai làm ý căn + 6 thức. Sắc khai làm 5 căn + 6 trần.

d) Tâm và sắc đều nhẹ, chỉ nói 2 pháp.

Nhân duyên hòa hợp hư vọng có sanh:

A/- Chân tâm tuyệt đãi không đợi nhân duyên. Còn 6 tâm hư vọng sanh diệt ắt nhờ nhân duyên:

a) *Nhân*: Chân như không thủ tự tánh.

Duyên: Vô minh vọng động.

Ba bất tương ưng nhiễm tâm (vô tham, vô sân, vô si) sanh trong biển Như Lai Tạng.

b) *Nhân*: Nghiệp thức nội huân.

Duyên: Cảnh giới kích động.

Ba tương ưng nhiễm tâm (tham, sân, si) sanh.

Đây là ước về tâm pháp.

B/- Phật giới chân thiện diệu sắc tánh bản thanh tịnh không mượn nhân duyên. Còn 9 giới kia, y báo chánh báo hư vọng sanh diệt, ắt nương nhân duyên:

a) *Nhân*: Chủng tử.

Duyên: Hiện hành.

Huân sự thức vọng có 6 pháp giới phạm do nhiễm sắc sanh.

b) *Nhân*: Bản giác nội huân.

Duyên: Thánh giáo ngoại huân.

Huân nghiệp thức vọng thành 3 pháp giới Thánh

do tịnh sắc sanh.

Nhân duyên biệt ly hư vọng gọi là diệt:

A/- Tâm pháp:

a) Nếu y bản giác nội huân khởi trí thủy giác, nơi cảnh không chấp là thật, lia tướng sai biệt, ắt sóng thức tự dừng. Ba nhiễm tâm tương ưng diệt.

b) Rõ biết tâm niệm do vô minh bất giác sanh khởi, kiến phần tướng phần của nghiệp thức đều do mê chuyển hiện, vô minh sẽ tắt, biển thức trừng lặng. Ba nhiễm tâm bất tương ưng diệt.

B/- Sắc pháp:

a) Thủy giác đặc lực. Rõ biết thân tâm thế giới không ta, không của ta. Quán trí hiện tiền, sự thức đã chuyển, nhiễm sắc sáu phàm diệt.

b) Rõ biết tịnh sắc Niết-bàn cũng chẳng thật. Vô minh phá thì nghiệp thức chuyển thành tánh bản giác. Ba Thánh tịnh sắc cũng diệt.

Đâu có biết rằng sanh diệt đi lại vốn là Như Lai Tạng diệu minh thường trụ, bất động chu viên diệu chân như tánh.

Trên nói về tướng vọng nay luận về tánh chân. Vọng tâm và khí thế gian có tướng sanh diệt. Căn thân có tướng đi lại. Tướng y tánh khởi. Tánh của hoa đóm

chính là tánh của hư không. Thể của bóng chính là thể của gương. Người mộng chính là người tỉnh.

Như Lai Tạng: Tâm chúng sanh. Bản giác tánh thể tất cả chúng sanh đều đầy đủ. Bản giác này là Phật tánh.

Thường trụ: Không sanh diệt.

Diệu minh: Vượt ngoài mê ngộ.

Bất động: Vốn không đi lại

Chu viên: Không chỗ nào không khắp.

Diệu chân như: Không thể nghĩ bàn vì toàn vọng tức chân. Như kinh Pháp Hoa nói: “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”.

Trong tánh chân thường câu các pháp đi lại, mê ngộ, sanh tử rốt ráo không thể được.

Trên đã tỏ rõ toàn vọng tức chân. Đây minh định chân vốn không vọng. Vạn pháp duy tâm. Thấy kia đây, đi lại, thánh phàm, mê ngộ là sai. Tướng sanh tử ví như hoa đóm ở hư không chỉ do bệnh lóa khiến vọng thấy. Như mộng đi ngàn dặm, tỉnh dậy thì ra mình vẫn không lia giường gối. Chúng ta đang mộng ở trong nhân gian, từ nhỏ đến già, báo hết mệnh chung, nắm bắt được gì? Mê ngộ ước về nghĩa là ở tâm; ước về người là thánh phàm; ước về pháp là sanh tử Niết-bàn. Người

có mê ngộ, lý không mê ngộ. Vì biết đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, cho nên vô sở đắc.

(23) TỔ CHÂN GIÁM CHÙA BÍCH LIÊN DẠY: Sau đoạn này, Phật vạch kỹ tướng hư vọng của Ấm, Nhập, Xứ, Giới, gốc là tánh diệu chân như của Như Lai Tạng. Có 5000 lời, chữ đã nhiều, nghĩa lại sâu. Sơ học khó lý hội. Nên đọc đoạn tóm thâu này cho thật thuộc, suy nghĩ thật kỹ, ý nghĩa tự nhiên rõ ràng. Đó là phương pháp học kinh cần phải biết.

(24) Sắc ấm không phải nhân duyên mà là Như Lai Tạng: sắc ấm đã không thì chưa từng sanh. Đâu phải nhân duyên đã sanh ra hoa đốm. Chỉ Như Lai Tạng thường trụ mới là có thật ví như hư không bất động.

Phụ chú 5 ẤM

Đại thừa, tiểu thừa các kinh đều khuyên 5 uẩn là vọng tưởng, gốc trầm luân, nguồn biển khổ. Chăm quan sát như thế sẽ thoát vòng luân hồi. Giác tỉnh hướng về thánh pháp, học sống với Phật tánh là cảnh giới an lạc vô thượng.

Sắc ấm

Con mắt mỗi thấy ở hư không trong trẻo có hoa đốm. Mê muội thấy ra hư không. Kết ám thành đất

nước gió lửa mới có các trần sáng tối, động tĩnh, hợp ly, sanh diệt. Sở minh đã lập hẳn có năng minh thấy nghe hay biết phát sanh. Bản thể vẫn là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

Thọ ấm

Một người bình an, không trái thuận, tựa hồ quên thân. Nếu lấy hai tay cọ vào nhau liền có cảm giác nóng ấm. Phật cho thí dụ chỉ cốt bày tỏ thọ ấm hư vọng. Thật là cái không có. Miễn tỉnh ra là xong. Nhưng nếu không tỉnh ngộ thì tâm nguồn ác, thân rừng tội, gốc chính từ thọ ấm mà ra. Chúng ta đã mê muội vâng theo nó hút máu trong tử cung mẹ, thiết tha nhận là thân thể mình. Hiện nay chúng ta vẫn ngon lành thọ cơm uống nước. Thân là một guồng máy phức tạp chỉ để nuôi dưỡng sáu căn, cơ quan thân nạp sáu trần. Tâm cầu thọ hưởng của phàm phu, trải vi trần kiếp, quả tình không đáy. Đọa lạc do đây. Chỉ bao giờ như đức Quán Thế Âm phản vấn, vào kim cang tam muội, phá xong thọ ấm, chúng ta mới thoát thân kiến. Như chim sổ lồng, rời thân thể, quay lại thấy mặt, được Ý-sanh-thân.

Tưởng ấm

Nghe nói mơ chua, miệng chảy nước. Tưởng ấm ngày đêm sai thân như anh lái đò chỉ huy con thuyền

trên dòng sông sanh tử. Chúng ta quên hẳn chân tâm bản tánh, một lòng phụng thờ ông chủ đần độn này. Nên cả đời chỉ chảy nước miếng để lo tiêu hóa những trái mơ không có. Một khi đã nhận cái hôn nhiều nhiều này làm tâm tánh thì quyết định nó ở trong thân. Đâu còn biết gì đến diệu tịnh minh tâm bất động chu viên diệu chân như tánh ở khắp pháp giới?

Hành ấm

Nước gặp hư không liền chảy. Ngã chấp gặp cảnh sanh tư lường, kích thích miệng nói thân động, tạo nghiệp thiện ác, đưa đến các tái sanh quả báo những hiện tượng tâm lý và sinh lý hiện tại là kết quả của Hành trong quá khứ. Hành tạo năng lực tiềm ẩn điều khiển thúc đẩy tâm thức trong chiều sâu (phiền não tùy miên cũng gọi là câu sanh). Dẫn dắt hữu tình dần dần đi đến tương lai. Nương Phật pháp biết rõ Hành ấm duyên sanh vô thường, vô ngã, không thật, con người nhờ định lực, có thể dừng bước sanh tử. Bởi vì bản tánh chúng ta vô sanh.

Thức ấm

Sáu thức bắt đầu hoạt động trong bào thai, ta gọi là thần thức đến. Khi chết, sáu thức không hiện hành, ta gọi là thần thức đi. Thật ra tánh thể Như Lai Tạng thường trụ bất động ở khắp pháp giới. Nơi

nào đủ duyên có sáu căn không hư thì sáu thức hiện hành. Thức tinh nguyên minh y hai trần sáng tối nhận ra sắc cảnh gọi là nhãn thức. Chiếu nơi tai, y hai trần động tĩnh, biến ra âm thanh, gọi là nhĩ thức. Nơi mũi lưỡi thân, y hai trần hợp ly, biến ra thơm hôi, ngọt chua, nóng lạnh, gọi là ty thức, thiệt thức, thân thức. Ý pháp trần sanh diệt, tại bộ não phân biệt gọi là ý thức.

Hết duyên, sáu căn hư hoại thì sáu thức không hiện hành. Chỉ như ảo thuật biến hóa. Thật ra trong Như Lai Tạng không hề có sanh diệt đi lại.

(25) TỔ GIAO QUANG GIẢNG VỀ THỨC ẤM:

Nói đi và đến đều lầm. Xả thân dụ như ở phương kia đến mà thức ở thân trước chưa từng thiếu. Thọ thân dụ như vào phương này mà thức ở thân sau chưa từng đến.

Hỏi: Thức là rõ biết. Thân chết không còn biết, làm sao bảo là không thiếu? Thân mới sanh biết đau biết khóc làm sao bảo là thức không vào?

Đáp: Thể chu biến vốn vẫn đủ, dụng hiểu biết đây ước về mê. Thể thường trụ không động. Dụng hằng dời đổi. Nếu mê ắt nhậm vận bị lôi đi. Ngộ thì thể và dụng không hai. Phật chính muốn chúng sanh ngộ toàn thể để tròn đại dụng. Dụng thức như hư không, khiến biết

thân chết thức không hề đi. Khi chưa chết thức không riêng cuộc ở đây. Thân sanh ra, thức không phải đến. Thân chưa sanh, thức vốn vẫn thường khắp thì hẳn vẫn ở đây. Nghiệp đời đời khiến thức như có đến có đi. Tập hằng sống với bản giác bất động. Sắc ấm tận, trí sẽ đồng khai.

Hư không dụ thức ấm. **Bình tâm giả** dụ nghiệp báo nên có đối đời thiên lưu. **Hai vôi** dụ trí và lý. **Bị đút nút** dụ trí mờ lý mật nên không biết thức ấm không có đến đi.

Ấm: Che lấp chân tánh.

Uẩn: Chứa góp các tướng hữu vi.

Phải dùng cả hai nghĩa này mới đủ ý.

(26) Sáu nhập: căn là năng nhập vì vào trần thủ cảnh. Căn cũng là sở nhập vì đây là chỗ để cho trần vào tâm. Kinh nói: “Hút trần tượng” nên 6 nhập là chỗ để hút 6 trần. Tánh không sanh diệt ở 6 căn chính là định thể Thủ Lăng Nghiêm, mật nhân tu chứng viên thông. Sáu nhập là chỗ hạ thủ công phu phản chiếu, yếu chỉ của Kinh Lăng Nghiêm.

Vốn là Như Lai Tạng:

Như: Thể bất biến.

Lai: Dụng tùy duyên.

Tạng: Chứa tất cả công đức thế gian và xuất thế gian như cái kho báu.

Diệu chân như tánh:

Diệu: Tức lý tức sự, không trệ ở một pháp cũng không xả một pháp. Nếu kia chân mà đây không chân, kia như mà đây không như, ắt có đối đãi, hẳn không viên mãn. Nay vạn pháp duy tâm, không một pháp nào không chân như. Nên sáu nhập chính là diệu chân như.

Ý nhập: Ý căn đặc biệt duyên được với cả chỗ biết của năm căn kia. Trong khi năm căn chỉ riêng biệt căn nào biết cảnh của căn ấy, không tới chỗ dung thông được.

(27) Xứ: Phương sở. Quyền giáo tướng tông dạy căn trong trần ngoài, mắt duy đối sắc, tai duy đối thanh v.v... Trong ngoài đều có sáu chỗ thành mười hai xứ. Thủ cảnh ắt do căn nhập trần. Thọ cảnh tức do trần nhập căn.

Văn quán trong kinh, nhãn sắc và nhĩ thanh bốn xứ phá cả căn và trần. Hai xứ thân và xúc riêng phá căn. Còn sáu xứ kia phá trần. Mỗi mỗi cốt yếu hiển tướng vọng tánh chân, toàn sự tức lý. Văn dưới nói: “Căn trần đồng nguồn, cột cửi không hai. Mê muội tức vô minh. Phát minh tức giải thoát”. Nay căn trần quy cả về tạng tánh, chính muốn người phát minh.

(28) Thông thường thân có biết, vật không biết, hợp nhau thành xúc. Áo chưa mặc vào thân thuộc sắc trần. Mặc vào người rồi biết thuận nghịch mới gọi là xúc. Mùa hạ mặc áo bông là nghịch, mặc áo lụa là thuận. Xúc tức là giác biết của thân phần. Đầy đủ công dụng hay biết là năng xúc. Còn không giác biết là sở xúc. Thế là căn trần năng sở hợp thành. Trong văn kinh, đầu tay đều là thân căn, không có ngoại xúc. Căn trần lẫn nhau, không phân định được năng sở, để tỏ rõ các xúc đều hư vọng. Khoa này riêng phá căn.

Phật dạy các đệ tử xuất gia mỗi ngày xoa đầu, thâm tụng bài kệ: “Giữ miệng, nhiếp ý, thân chớ phạm. Chớ nã bất cứ hữu tình nào. Xa lìa thói làm khổ người vô ích. Tu hành như vậy độ thế gian”. Khổ vô ích ở đây ý nói những khổ hạnh của ngoại đạo. Chẳng phải nhân làm sao kết quả. Mê là gốc khổ nên chủ yếu của giải thoát là giác tỉnh chớ không phải ở khổ hạnh.

(29) **Giới:** Ranh giới, nòi giống riêng biệt từng loài. Sáu căn, sáu trần, sáu thức, mỗi mỗi có ranh giới phận hạn của mình. Mỗi thứ có chủng tử tộc loại riêng. Khoa này cốt yếu phá thức. Thức giới đã phá thì căn trần tự không. Như căn nhà ba gian, chỉ cần phá hai vách của gian giữa thì cả ba đều thành không. Chỉ cốt phá tướng vọng để hiển lộ tánh chân là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

Phụ chú 18 GIỚI:

Ngã và pháp đủ các thứ tướng chuyển, duy thức biến! Năng biến có 3: a) Liễu biệt. b) Tư lương. c) A-lại-da.

- I/. Sáu liễu biệt: 1- Nhãn thức thấy các sắc tướng.
 2- Nhĩ thức nghe các âm thanh.
 3- Ty thức ngửi các mùi thơm.
 4- Thiệt thức nếm các vị ngon.
 5- Thân thức biết các cảm giác.
 6- Ý thức chuyên phân biệt các pháp trần.

Năm cảnh ngoài có để ý mới thấy rõ ràng. Ý thức tử mĩ phân biệt. Tác dụng của ý thức rất mạnh và phức tạp, tính toán tạo tác. Bao nhiêu thiện ác đều do thức này nên nói “công vi thủ, tội vi khôi”. Chấp ngã chấp pháp, tỉnh hay mê đều do nó. Lên thánh vị nó chuyển tên là Diệu Quan Sát Trí. Thông thường chúng ta gọi là Tâm, chính là ý thức. Khảo xét thì ý thức sanh diệt triền miên nhưng lúc chết ngắt lại gián đoạn. Hẳn phải có một bộ phận làm nòng cốt để ý thức có thể tiếp tục phát sanh.

II/. Đây là ý căn thường gọi tắt là Ý. Cũng có tên là Tư Lương để khỏi lẫn với ý thức Liễu Biệt. Căn

thận hơn các Tổ để nguyên chữ Phạn là Matna, không phiên dịch sang tiếng Tàu. Tác dụng đặc biệt của thức thứ 7 này là ngã chấp, ngã ái, ngã mạn, ngã si. Loài vật nào cũng nặng nề chấp Ta. Thông minh nhất là loài người cũng cứ trọn đời chỗ nào, lúc nào, cũng thân ta, nước ta, nhà ta. Cho đến chết cũng than thở ta sắp chết rồi. Mở ra bao nhiêu thảm quả vì ba độc tham sân si. Người tu đến ngôi thập Địa, thức này mới chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí. Chúng quả vị Phật thì hiện thân tha thọ dụng để giáo hóa các Bồ-tát.

III/. Matna là năng chấp. Sở chấp là kiến phần của *thức thứ 8. A-lại-da* (Tàng Thức), cái kho chứa hạt giống tất cả vạn pháp nên cũng có tên là *căn bản thức*. Biển tạng thức rất sâu rộng, theo duyên phát khởi 7 thức sanh sanh diệt diệt. Các căn thân thế giới đều từ thức này mà có nên thức này còn được gọi là *dị thực thức* (quả báo khác thời, khác loại mà chín). Lên đến ngôi vị đẳng giác đổi tên là *Vô Cấu Thức* hay *Bạch Tịnh Thức*. Thành Phật thì chuyển thành *Đại Viên Kính Trí*, chiếu khắp pháp giới hàng hà sa cõi. Thị hiện các báo thân hóa thân cứu độ hữu tình suốt đời vị lai.

Tên A-lại-da đặc biệt thường dùng để nói về cái kho chứa các pháp tạp nhiễm trong khi chữ Như Lai

Tạng bản ý lập ra để chuyên chỉ về phần công đức pháp thân thanh tịnh đang bị vô minh che lấp. So sánh các danh từ thì chỉ dùng chữ A-đà-na là hoàn bị hơn cả. A-đà-na rất vi tế, tập khí chủng tử sanh diệt như dòng nước thác. Nó chân vì tương tục không gián đoạn nhưng phi chân vì sanh diệt triền miên. Phạm phu chấp một bề chân hay phi chân đều sai.

A-đà-na có 3 nghĩa: 1) Chấp thủ (giữ gìn) việc kết nối đời sau. 2) Chấp thọ căn thân thế giới (thân đang sống. Sau khi chết sẽ tiếp có trung ấm và thân đời sau đều do A-đà-na giữ gìn). 3) Chấp trì chủng tử các pháp, khiến không mất.

Con đường trở về:

1. Hàng phục dần dần các hiện hành.
2. Đoạn phân biệt ngã pháp chấp.
3. Đoạn câu sanh ngã pháp chấp.
4. Kim cang dụ định đoạn sạch, viên mãn quả Phật. Năm thức trên sẽ chuyển tên là Thành Sở Tác Trí.

Matna có tên là Truyền Tống Thức vì đưa chủng tử ra hiện hành và đưa các pháp vào tàng thức. Đến Địa 8 (vô công dụng đạo) thức này đoạn được câu sanh ngã chấp.

Chú thích Samatha

*Anh em tám chú một chàng si,
Duy có ý thức tối linh ly.
Năm người ngoài cửa lo buôn bán.
Làm chủ giữ kho anh thứ tám.*

*Hiện tiền lập thiếu vật,
Cho là duy thức tánh.*

Vì còn có sở đắc

Chưa thật trụ duy thức.

Vô đắc chẳng nghĩ bàn

Là trí xuất thế gian

Chuyển phiền não được Niết-bàn.

Chuyển sở tri, giác vô thượng.

(30) Phụ chú 7 ĐẠI

Bốn khoa bảy đại phát huy thật tướng của vạn pháp. Căn cứ vào tâm gọi là khai thị Phật tri kiến cho chúng sanh ngộ nhập. Đây căn cứ vào pháp 5 âm, 12 xứ v.v... nên gọi là thật tướng.

Tánh thể phân tán thành muôn vật nhưng lý thể không biến đổi. Vàng ròng làm thành vòng xuyên hoa hột mà bản chất vẫn y nguyên cũng không ẩn giấu. Đương thể vòng xuyên vẫn hiện đầy đủ tướng vàng.

Vàng là thật tướng. Vòng xuyên là vạn pháp. Căn cứ vào thể chất gọi là thật tánh. Căn cứ vào hình tướng gọi là thật tướng.

Gốc ngọn nhân quả cứu cánh của chúng sanh đều là thật tướng. Vì để chỉ thật tướng cho chúng sanh Phật nói kinh Lăng Nghiêm. Gọi là Khai Thị Phật Tri Kiến, khi Phật thuyết minh 5 âm, 18 giới, 7 đại đều là thường trụ diệu minh diệu chân như tánh.

Đầu kinh Phật chọn lựa dứt khoát, chân vọng minh bạch, để xả vọng quy chân, mở ra một đường lối nhập Tông, Phật dạy 10 kiến tinh. Nay Phật lại bình đẳng phổ dung chân vọng để hướng chúng ta về cực quả. Mọi sai biệt đều bất khả đắc vì chỉ có nhất chân. Hạt bụi, giọt nước, đóm lửa, làn gió, pháp nào cũng là chân tánh, là toàn thể pháp giới. Nếu chẳng không thì chẳng gọi là hư vọng. Chẳng khắp, chẳng gọi là chân tâm.

Tánh chân tuy bản hữu nhưng mê đã lâu, phải dùng phương tiện để hiển thị cho tỏ ngộ. Hư vọng tuy bản không nhưng cố chấp quá sâu, phải dùng phương tiện để tỉnh giác. Dù đã minh bạch chánh tà, nếu không phương tiện bỏ vọng theo chân, rút cuộc cũng không kết quả. Tuy biết rõ vạn pháp chỉ một tâm, một vị bình đẳng, sơ tâm vẫn khéo dùng phương tiện.

Được cá mới buông nôm. Nhập chân rồi mới bỏ phương tiện.

Anan thỉnh tối sơ phương tiện của mười phương Như Lai. Phật dạy Samatha phá thức hiển kiến. Chân vọng đã rõ rệt. Nhận được chân thể rồi thì không bó hẹp ở căn nữa mà bình đẳng phổ dung với vạn pháp để phát minh viên lý thành viên tu. Người học mới thông đạt được lý toàn vọng tức chân.

(31) Tác nhân biến đổi thành quả báo lấy bản tánh chúng ta làm môi trường. Luật nhân quả tác động từ trong tư tưởng mà thâm thấu vạn vật. Nhỏ nhiệm trong hạt bụi mà thênh thang khắp pháp giới. Môi trường này mắt không thể thấy, tai không thể nghe, tay không thể rời chạm, không hình tướng mà tác dụng rung chuyển cả quả đất. Tốt đẹp thì mưa gió thuận hòa mùa màng tươi tốt, tai hại thì bão bùng lũ lụt.

Ứng nơi vạn pháp thì gọi là pháp tánh chân như.

Ứng nơi con người gọi là chân tâm trí tuệ giải thoát Niết-bàn.

Nhân quả nghiệp báo vận hành trong môi trường kỳ diệu này. Chỉ những bậc lắng tâm đến tột cùng mới giác ngộ được.

Thể tánh này tuy vẫn ở tâm mỗi người mà bao hàm cả không gian và thời gian. Với kiến thức hạn

chế của phàm phu thì điểm A không phải điểm B, lúc 5 giờ không phải là 10 giờ. Bạc đã giác ngộ viên mãn thể tánh này thì chẳng những hiện hữu ở A, đang có mặt ở B mà đang đầy đủ có mặt ở cả pháp giới. Dòng thời gian đều đặn trôi chảy vô cùng vô tận, vẫn nằm gọn trong thể tánh kỳ diệu. Mắt chúng ta thấy quá khứ đã mất, vị lai chưa đến. Mắt giác ngộ thấy quá khứ vị lai đang hiện tại.

Tác nhân chuyển vận thành quả báo. Khi duyên đầy đủ, môi trường thể tánh thông suốt cả tâm và vật, nên có những tâm quả như thông minh đần ngu, từ bi ích kỷ. Có những y báo như mùa màng thuận lợi, hạn hán cây khô. Hoặc tâm vật kết hợp như người được hoàn cảnh may mắn để thành công.

Dụng của thể tánh không thể nghĩ bàn. Quả có thể rất lớn như ác nghiệp, thì núi phun lửa, động đất sụp nhà. Thiện nghiệp thì thú dữ quy phục, cây trái thịnh茂. Có phước thì trực giác bén nhạy quyết đoán chính xác.

(32) Từ vô minh đến thô cảnh, kinh hay dùng hai chữ năng sở vì đây là mối sanh vạn pháp. Người tu, sau khi đã phân minh chân vọng, chỉ lìa vọng duyên liền vào định Thủ Lăng Nghiêm.

(33) Yết-la-lam: Cái thai bảy ngày hình bọt nhớt.

Át-bồ-dàm: Bảy ngày sau thành bong bóng.

Vân vân: 21 ngày thành thịt mềm; 28 ngày thành thịt cứng; 35 ngày thành hình người.

(34) Phú Lô Na yên chí nhân tánh chúng sanh có thủy nên ngờ Như Lai quả đức có chung.

(35) **Hải Ấn tam muội:** Phật Tâm tam muội. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hiền Thủ: “Chúng sanh hình tượng mỗi mỗi không đồng, hành nghiệp âm thanh vô lượng. Như thế tất cả đều hiện rõ, Hải Ấn tam muội oai thần lực”. Định tâm trừng trạm, ứng vật hiện hình, như biển nước lặng bao nhiêu hình tượng đều hiện rõ.

Phật Tâm Hải Ấn tam muội phát quang là đại dụng hiện tiền, chiếu phá các vọng trở về bản tâm, chứng cực Vô-thượng Bồ-đề, thấy chín giới chúng sanh đều đủ tri kiến Phật.

Các ông mộng tâm trần lao liên khởi: Vì không diệu trí nên không phát được diệu dụng. *Mống tâm:* Phân biệt các pháp, tâm hướng ra bên ngoài, cho cảnh ngoài là thật. Kinh Duy Ma Cật: “Bồ-tát muốn được cõi Phật thanh tịnh phải giữ tâm thanh tịnh. Tùy lượng tâm thanh tịnh mà thành tựu cõi Phật thanh tịnh. Khi ấy Xá Lợi Phất nghĩ rằng: “Tâm đức Thích Ca thanh tịnh mà sao cõi Ta Bà của Ngài lại toàn hầm hố gai chông nhơ nhớp thế này?”. Đức Phật biết tâm niệm

của ông liên bảo: “Mặt trời sáng rực rỡ vì sao người mù vẫn thấy tối”. Rồi Phật ấn ngón chân xuống đất, tức thời tam thiên đại thiên thế giới liền hiện trăm ngàn trân bảo trang nghiêm”.

Phụ Chú

Pháp tướng tông (Duy Thức) có **bốn thắng nghĩa đế:**

- a) Thế gian thắng nghĩa (ám, xứ, giới).
- b) Đạo lý thắng nghĩa như khổ tập diệt đạo.
- c) Chúng đắc thắng nghĩa (nhị không chân như).
- d) Thắng nghĩa thắng nghĩa (chân pháp giới).

Như Lai Tạng là chân pháp giới, lý thể bất biến hay khởi sự dụng tùy duyên. Trên Anan chấp hòa hợp nhân duyên là chấp Quyền nghi Thật vì mê mất thể tâm bất biến. Nay Phú Lô Na chấp Thật mà mờ mịt phần Dụng tùy duyên.

Phật đáp:

- a) Vạn pháp sanh diệt nối tiếp không lìa tánh giác và bản giác.
- b) Ngũ đại viên dung quy một tâm ba tạng (không

Như Lai Tạng, bất không Như Lai Tạng, không bất không Như Lai Tạng). Đó là chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa.

Tịch diệt tràng địa: Mật nhân Bồ-đề. Cảnh tịnh không phải chân a-lan-nhã. Chân tâm bản lai bất động, cùng cảnh vô can, tức là định thể Thủ Lăng Nghiêm, mới là “mười phương Bạc-già-phạm nhất lộ Niết-bàn môn”, chính tu hành xứ. Ngộ được tâm này là khai viên giải để khởi viên tu hy vọng viên chứng.

Dẫn dò nghe kỹ: Đừng chấp lý mê sự. Tạng tâm thể tuy không biến nhưng dụng vẫn tùy duyên. Nếu tùy nhiễm duyên thì ba thứ nối tiếp (chúng sanh, thế giới, nghiệp quả), năm đại lẫn nhau. Nếu tùy tịnh duyên diệt trần hợp giác thì phát diệu giác minh tánh. Văn trên “Vạn pháp quy về Như Lai Tạng” là Không Như Lai Tạng, ước về tâm chân-như- môn, hội vọng quy chân, để hiển thể tạng tâm bất biến. Phần Quyết Nghi, ước về tâm sanh-diệt-môn, từ chân khởi vọng, để hiển cái dụng của tạng tâm vẫn tùy duyên. Tùy nhiễm khởi sáu phạm, tùy tịnh khởi bốn thánh. Ở đây muốn chuyển mê về ngộ nên riêng nói nhiễm dụng. Còn toàn dụng sẽ nói ở phần Không Bất Không Như Lai Tạng (cuối phần Quyết Nghi đoạn bảy đại viên dung).

Tánh giác, bản giác nguyên một chân giác. Nói tánh là ước về một thể chân lý. Bản là chân nguyên của

vạn pháp, không thiệp sự dụng, không luận tu thành.

Diệu minh: Tịch mà thường chiếu.

Minh diệu: Chiếu mà thường tịch.

Diệu: Thể không biến (tịch). *Minh:* Dụng tùy duyên (chiếu), chiếu dụng của lý-cụ, chẳng phải do sự-tạo. Phạt cử hai lời này là có mật ý.

a) Vạn pháp vô minh lìa đây không chỗ nương.

b) Hiển tịch chiếu bản cụ không mượn vọng minh.

Phú Lâu Na hỏi nghĩa này để người học lưu tâm. Tánh tự linh minh là chân giác chân minh. Nay thêm minh cho giác (tức minh chẳng phải bản hữu của giác), liền lạc về sanh diệt, liền mất cả hai mà thành vọng giác vọng minh. Đây chính là căn bản vô minh. Như châu ma ni vốn tự sáng, thêm đèn chẳng những vô ích mà người, qua ánh đèn, không thấy được thật sáng của châu. Hoặc này có trước tam tế (huống chi là lục thô). Bồ-tát đẳng giác còn chưa rõ. Như Lai hiện lượng thân thấy, dùng thắng phương tiện biện tài khiến kẻ sơ tâm dùng tỷ lượng cũng hiểu được.

Khi mê từ chân khởi vọng, chân thể không biến. Vọng tánh bản không. Vọng y chân khởi như bóng y gương mà khởi. Thể của bóng không phải gương mà là hư vọng y gương giả hiện. Mê không căn gốc cũng vậy.

Chính lúc đương mê mê còn không có, hướng chi đã ngộ làm sao còn tái mê? Trí quang bốn hữu chuyển thành vọng kiến, trong chân không pháp tánh, thấy có thế giới chúng sanh nghiệp quả. Nay đã thành Phật, đâu còn vọng kiến mà sợ không hoa tái phát. Phật nói Bất Không Như Lai Tạng xong. Lại nói Không Bất Không Như Lai Tạng để trừ nghi năm đại lẩn diệt lẫn nhau.

a) *Không Như Lai Tạng*: Chân tâm tịch thể không lập một pháp.

b) *Bất không Như Lai Tạng*: Minh là chiếu dụng biến hiện các pháp.

c) *Không Bất Không Như Lai Tạng*: Đồng thời thể tịch dụng chiếu viên dung không ngại.

CÁC SÁCH THAM KHẢO

- *Bản chữ nho của Sư cụ Tuệ Nhuận.*
- *Bản dịch của cư sĩ Tâm Minh.*
- *Lăng Nghiêm Chính Mạch của Tổ Giao Quang.*
- *Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Giải Nghĩa của Pháp-sư Viên Anh.*
- *Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giải Nghĩa của hai ngài Hòa-thượng Bích Liên và Liên Tôn. Nhà in Thạnh Mậu xuất bản năm 1954.*



MỤC LỤC



MỤC III: QUYẾT NGHI. **118**

- 1. Như Lai Tạng thanh tịnh
do đâu hết nhiên có chúng sanh? 118
- 2. Bảy đại viên mãn dung hòa. 128
- 3. Chúng sanh nhân đâu có vọng 134
- 4. Nghi nhân duyên tự nhiên. 137

CHÚ THÍCH **142**

	<i>Trang</i>
I. TỰA.	3
II. CHÁNH TÔNG.	10
A. KIẾN ĐẠO --- SAMATHA.	10
MỤC I: GẶN HỎI TÌM TÂM.	10
a) Nguyên do thường trụ và luân chuyển.	10
b) Bảy lần tìm tâm.	12
c) Chỉ rõ vọng tâm.	24
MỤC II: KHAI TRI KIẾN PHẬT.	31
a) Mười lần chỉ kiến tinh.	33
b) Phá xích hòa hợp.	69
c) Vạn pháp quy về Như Lai Tạng.	71
d) Anan giác ngộ phát nguyện.	115